Năm thứ nhất.— Số 12 Thứ sáu, 29 Août 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Mong chính phủ Đông-dương và Triều-đình Huế hằng năm đặt những giải thưởng văn-chương và khoa-học — *Phạm mạnh-Phan*
Thành Đồ-bàn — *Bùi văn-Lăng*
Một người Pháp làm vua xứ mọi (II) — *Liên-Giang*
Phê-bình « Một nền giáo-dục Việt-nam mới » — *Hội-thống Vũ văn-Lợi*
Chinh-chiến — *Minh-Tuyền*
Một nhà đạo-sĩ — *Vũ văn-Lễ*
Nguyễn-Hoàng-Đức (II) — *Nguyễn-Triệu*
Văn-chương của R. Tagore — *Nhân-Nghĩa*
Ba-tư trên bàn cờ quốc-tế — *Nhật-Nham*
Bà Quận Mỹ (XI) — *Chu-Thiên*
Cách gửi thư và đệ công văn của ta ngày xưa — *Tiên-Đàm*
Tạp trở, Mảnh sử-liệu, vân vân

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50 — 6 tháng 2$80 — 3 tháng 1$50

Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Cần khuyến khích những nhà văn có thực tài

Mong Chính-phủ Đông-dương và Triều-đình Huế hằng năm đặt những giải thưởng văn-chương và khoa-học

Phạm-mạnh-Phan

Ở TRÊN mặt tờ tạp-chí này, tôi đã thẳng tay lột mặt nạ những con chiên ghẻ trong làng văn và những đồng-phạm của chúng Tôi đã nói tới những dã-tâm chúng, những mánh-lới xảo-quyệt mà chúng đã dùng và những ảnh-hưởng tai hại của những đứa con tinh-thần của chúng trong xã-hội việt-nam.

Một liên-tưởng chính đáng làm cho tôi nghĩ tới những nhà văn có thực tài nhưng vì ít người biết tới, ít người sẵn tâm khuyến-khích, mà phải đang sống im lìm trong bóng tối, trong cảnh cô đơn nghèo nàn !

Nếu ai để mắt tới sự vật lộn của họ với đời thực-tế, tất phải động lòng trắc-ẩn mà bùi ngùi cho số phận nhà văn : luôn luôn phải vắt chất óc ném tung lên mặt giấy mà cũng không đủ nuôi sống thân mình trước sự nhu-cầu của cuộc sống hằng ngày.

Họ sống làm sao được nếu trên trường văn còn có một lũ người dã-man vô tài, manh tâm vì danh, vì lợi dắt nghề văn, nghề báo đi tới con đường bại hoại đớn hèn.

Họ sống làm sao được nếu những tác-phẩm của họ xuất-bản bị những sách khiêu-dâm cạnh-tranh kịch liệt, bị ném xó ở góc các cửa hàng trong khi những sách nhảm khác có hại mà bán chạy bay !

Họ sống làm sao được nếu cái nghề viết văn của họ, nó có tính cách cao quý và có can hệ tới cuộc thịnh suy của đất nước, lại bị một số đông người đối với họ thờ-ơ, lãnh-đạm, không tỏ chút cảm-tình, không một miền khuyến-khích.

Tôi không hiểu sao cái gì ở đất nước người được trọng vọng, được nâng đỡ, được săn-sóc một cách đáng cảm-động thì ở đây, trái hẳn lại, bị rẻ rúng, coi thường và có khi khinh miệt là khác nữa. Hay cái đất nước này không đáng hưởng những cái hay của nền văn-minh Âu Mỹ nên mới xui khiến lòng người làm vậy!

●

Ở ngoại-quốc, người ta tôn thờ nghề cầm bút, người ta kính nể và luôn luôn giúp đỡ những nhà văn chân chính trong bước nghèo đói hoặc trong những giờ quẫn-bách.

Người ta tìm hết cách khuyến-khích họ. Người ta không hề tìm kế bóc lột họ bằng những sự xem báo trộm, xem sách mượn mà không muốn mất tiền mua.

Những giải thưởng của các bậc phú hào, của các ân-nhân trong văn giới giàu lòng nghĩa-hiệp thấy nhan nhản trên các báo.

Các nhà văn ngoại-quốc đó, một số đông sống trong sự thảnh thơi dư dật, ít khi phải vò đầu vì cuộc sống hằng ngày, ít khi phải mủi lòng ly dị với nghề văn để ôm một nghề khác mà hòng đủ sống.

Không những thế, lắm người lại có bạc vạn như Dekobra, Gide, Maurois cùng nhiều nhà văn khác nữa, du lịch đó đây, khắp năm châu đã từng đặt bước, để quan sát, để viết sách đem hiến cho gió bốn phương mà làm việc cho nền tư-tưởng học-thuật chung.

Nhìn lại quang cảnh nước nhà, thấy vẻ hiu quạnh buồn tanh của đồng-bào đối với những nhà văn chân-chính, những người dấu lạc-quan đến đâu, cũng phải lắc đầu mà than phiền.

Một số đông những người sống trên núi tiền bể bạc thì chỉ biết vẫy vùng ngụp lặn trong ao tù trưởng-giả. Họ sống bo bo ích kỷ, không thiết tới một việc gì có ích chung. Đối với họ chỉ có tiền là hơn cả. Đừng đợi ở họ những sự khuyến-khích về vật-chất.

Nếu dư tiền thì sẵn có bộ óc đốn hèn ngu xuẩn, họ lạy lục hết nơi này cửa khác, vứt bạc nghìn để chạy chọt lấy chút hư-vinh.

Đối với họ, nghề viết văn, viết báo là một nghề kỳ quặc ! Một nhà văn lâm trong bước khốn cùng đừng hòng họ dủ lòng đoái thương, ra tay giúp đỡ ! Tâm đồn họ khô ráo khắc khổ, chỉ biết nô lệ đồng tiền, không bao giờ lại còn biết rung-động trước một cảnh thương-tâm.

Biết bao nhà văn tận tụy với thiên-chức, hy sinh cho nghệ-thuật, dốc lòng theo đuổi tiếng gọi của tài năng mà tôn thờ nghề

cầm bút một cách quả cảm, phải sống trong thiếu thốn, trong bệnh tật!

Họ đã qua những chuỗi ngày buồn tẻ, đã làm mồi cho những vi-trùng lao độc ác ăn mòn phổi họ, đục ruỗng óc họ một cách đáng thương: Thi-sĩ Mai-Nhạc Đ. ân-tư Thuật đã chết trong cảnh nghèo túng khốn khó! Thi-sĩ Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu, lúc sinh-thời, đã là bạn thân của ma Nghèo, lúc lìa trần, để gia-đình nheo nhóc trong cảnh bần hàn với những mụn con thơ côi cút! Nhà phóng-sự trẻ tuổi Vũ-trọng-Phụng trong bao tháng bị trùng lao hành hạ, lúc chết đi để lại một mẹ già, một vợ góa, một mụn con thơ không người nương tựa, không đồng xu nhỏ với những bàn tay trắng giữa cuộc xô đẩy của lớp sóng đời!

Đó mới là những tỉ-dụ trong muôn một. Kể hết ra đây sợ làm mủi lòng các độc-giả sẵn mối từ tâm mà chạnh lòng ái-ngại cho những nhà văn xấu số đó.

Xuốt đời hy-sinh cho nghệ-thuật, cho tư-tưởng giới nước nhà, tôn thờ sự cao quý, nhằm theo ba quan điểm « chân, thiện, mỹ » mà lần sống hết năm ấy qua năm khác để được nhận lấy những phần thưởng ác nghiệt là những sự thờ-ơ bội bạc và những nỗi túng kiết chua cay!

Nghề viết văn, viết báo ở đất nước này, một nước vẫn mang tiếng là văn-hiến, một dân vẫn mang tiếng là hiếu học, quả là một nghề bội bạc đúng với lời than: « *Vốc hạt giống nèm tung ra trước gió, phụ bạc thay, cái nghề cầm bút chỉ sẵn công gieo!* »

●

Cái tình-trạng hiện-thời ấy của một số nhà văn không thể cứ thế kéo giài ra mãi được. Nó cần phải bồi đắp lại, tu sửa lại để đem thêm chút ánh sáng êm dịu cho những văn-nhân đáng được mọi người chú ý.

Phải phá tan làn không-khí nặng nề đang bao bọc họ. Phải dắt họ ra ngoài chốn âm-u đêm tối để họ có đủ tài, đủ lực mà làm việc cho văn nghệ.

Họ là những người đáng được hưởng hơn ai hết sự dồi-dào về đời sống hằng ngày để có đủ thời giờ mà theo đuổi cái nghề « con tằm rút ruột ». Óc họ bao giờ cũng phải được thảnh thơi đừng bận-rịn tới những sự nhỏ nhen của đời sinh sống để nghĩ tới những cái cao-siêu của nghệ thuật đừng phải lăn lóc vật lộn với đồng tiền để được thư thái tâm thần, phụng sự ngòi bút, lương tâm và lẽ phải. Linh-hồn họ đáng được hưởng sự nâng-đỡ, thiên tài họ đáng được khuyến khích một cách chân thành.

Trông vào ai? Lẽ cố nhiên không thể trông vào hạng trưởng giả ô-trọc mà tôi đã sơ phác trên kia. Chúng ta hãy mặc hạng « dị-nhân » đó sống những ngày « lợn-ỷ ». Phải trông cậy ở những người khác.

Ở các hội học? Thì phỏng có được là bao, vì chính quỹ các hội cũng nghèo: Hội Trí-tri hằng năm đặt những giải thưởng con con chỉ đủ làm một cuộc tiêu-khiển nhỏ nhặt. Hội Khai-trí mới dóng dả hằng năm sẽ đặt giải thưởng lớn về tiểu-thuyết, nhưng « Hàn-lâm viện » đó mới nói chưa làm.

Trông vào các văn đoàn? Thì họ có giàu gì: một vài nhóm đã chịu hy-sinh để đặt các giải thưởng, nhưng ta không nên đòi cái gì quá sức họ.

Tôi tưởng chỉ còn có cách duy-nhất là trông vào các nhà đương đạo: tôi thiết tha yêu cầu Chánh-phủ Đông-dương và Triều-đình Huế từ nay, hằng năm, đặt ra những giải thưởng lớn độ vài nghìn đồng về văn-học và khoa-học để khuyến-khích các thanh-niên chăm theo nghề cầm bút, để tìm tòi các nhà văn chân-chính và các nhân-tài mới chớm nở trong các từng lớp của xã-hội việt-nam.

Bao giờ sự khuyến-khích đó được thực-hiện, thì các nhà văn hằng năm mới ganh nhau đem hết tài lực làm việc cho nền văn-hóa, vì óc họ sẽ không bận rịn tới những sự thực phiền-phức nhỏ-nhen của đời sinh sống.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Phòng thăm bệnh của

BÁC-SĨ

Nguyễn-hữu-Phiêm

Chef de clinique des maladies cutanées et Syphilitiques à l'École de Médecine

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da, và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng: 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều: từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước của đền hàng Trống)

TÉL. N° 15.82

THÀNH ĐỒ - BÀN

Bùi văn-Lăng

CÁCH tỉnh thành Bình-định độ 10 dặm, có một tòa cổ-thành, tên gọi Đồ-bàn, ấy là kinh đô cũ của nước Chiêm-thành khi trước.

Nước Chiêm-thành lập quốc vào khoảng cuối đời Hán, đầu đời Đường bên Tàu. Có người huyện Tượng-lâm, ở vùng Nhật-nam, tên là Khu-Liên, giết quan huyện-lịnh, mà tự lập lên làm vua, đặt quốc-hiệu là Lâm-ấp. Sau đến Phạm-Văn mới đưa tờ bịch cho quan Thứ sử là Cù-Phồn xin lấy Bắc bộ xứ Nhật-nam là núi Hoành-sơn làm quốc-giới, sau lại đánh lấy được nước Tây-đồ-Gi nữa.

Đến niên-hiệu Trinh quán đời Đường, vua Lâm-ấp là Phạm-trần-Long bị ám sát, triều thần lại lập Cầu cát-Địa lên, mới đổi hiệu là Hoàn Vương-quốc. Sau đến niên-hiệu Nguyên-hòa, bị quan đô hộ An-nam là Trương-Chu đánh phá, vua Chiêm-thành lúc bấy giờ là Ngô-nhựt-Hoang mới dời đô về Chiêm-bà, nhơn đổi lại quốc hiệu là Chiêm-thành. (Hiện nay thuộc về đất Tuan-phúc châu Thang-bình, hãy còn di-tích thành Vệ thành, chỗ ấy cũng có người gọi là Lâm-ấp thành, phía tây-nam giáp đến sông Sài-chị). Nước Chiêm-thành dời đô, lần ấy là lần đầu, sau lại dời về thành Đồ-bàn.

Thành ấy chính giữa lấy núi Long-cốt làm trọng, chu vi ước mười dặm dư, bốn mặt đều có cửa, chung quanh thì lấy đá và cây làm bờ thành, tuy không đào hào xẻ ao chi, nhưng bền-chắc lắm. Chánh địa trong thành thì có tháp Cánh-tiên và gác Can-lan. Trước mặt thì lấy núi Tam-tháp làm án, phía hữu lấy núi Phong-sơn làm lũy, phía tả lấy bờ Thi nại làm ao, phía trong lấy núi Cù-mông làm long-bàn, phía ngoài lấy đèo Bến-đá làm hồ-cứ, rõ là một nước đại-hiểm.

Cảnh thổ thì bắc giáp Quảng-bình, nam giáp Bình-thuận, bề dài hơn ngàn dặm; Tự-lạt có 150 xứ, Thống châu có 38 châu. Trong nước thì có Thứ-vương, Phó-vương, ngoại quan có 20 dư bộ, bắc-bỉ có đồn Khu-lập, hải phòng có thành Thi nại; còn phía tây thành lại có thành Cha thành Sức và thành Huất-trì. Mấy thành ấy để làm phan-phụ, nghiễm-nhiên là một địch-quốc trong thời bấy giờ.

Về đời Lý, Trần trở sau, thường gây việc binh-đao, hơn thua qua lại: Nào trận thua Ngư-bố, nào dâng đất Tam-châu, nào sự vui mừng nơi đất Ý-nam, nào khi kiêu-ngạo chốn Long-biên, nào công-chúa Trần phải về làm dâu, nào nàng My-Ê Chiêm-thành tử-tiết, bấy nhiêu đủ biết đại-khái cuộc thạnh suy của nước Chiêm-thành trong thời-đại ấy.

Từ vua Lê-thánh-Tôn, thuộc về niên-hiệu Quang-Thuận và Hồng-đức, một lượt đánh mà thành bị phá, vua là Bí-Cái bị bắt, hai lượt đánh mà thành bị đổ, vua là Trà-Toàn bị nhục. Năm sau, vua là Trà-Toại cũng bị bắt nữa. Vì thế mà nước Chiêm-thành ngày một suy dần, nay chạy qua Hồ-thành, mai trốn qua Tân-châu, lần lữa cho đến khi mất nước, để đến nỗi Bàn-thành đô cũ đổi làm châu Tân-châu đà 300 năm vậy.

Đến đời vua Lê Cảnh-hưng thứ 37, Nguyễn-Nhạc dấy lên, mới đổi thành ấy làm Hoàng-đế thành, mở rộng dươi đông ra, chu-vi tất cả đến 15 dặm, bốn phía xây bằng đá ong, và đắp cao thêm đến một trượng 4 thước, dày 2 trượng, thêm một cửa nữa thành ra 5 cửa: mặt trước 2 cửa, tả gọi là Tân-môn, hữu gọi là Vệ-môn, phía tả đều y cũ cả, chỉ có phía hữu thì đào hào để lấy đất mà phụ thêm vào. Hiện nay dọc theo đường quan-lộ tại xứ quãng-độc, tức là cửa tả của thành, từ đó, xuyên lên tây đến cầu Thập-tháp, tức là mặt bắc của thành khi trước Còn như về phía đông-nam, tây bắc và tây nam đều có núi đất, ấy là mới đắp sau trong lúc thành bị vây. Lại trên phía tây có đắp bờ đảnh nhĩ, là để ngăn nước; phía tây nam có đắp đàn Nam-giao là để tế trời. Còn về phần trong thành thì lại có đắp thêm thành Can-thành. Chính giữa thành ấy thì có cất một tòa lầu, sau làm điện Chánh-tâm, trước làm kiểu Bát-giác, gọi là lầu Bat-giác; tả hữu hai bên thì cất hai tự-đường, trước lầu cất cung Quyền-bồng, hai bên cất hai nha Giực miếu để làm chỗ Thị-sự, trước cung có cửa Tam-quan, gọi là cửa Quyền-bồng. Trước cửa Quyền-bồng ấy tức là cửa Vệ-môn. Lại nơi núi Kim-sơn có lập một tòa Võ-miếu, di-tích ngày nay hãy còn. Đến những nghê đá, voi đá trong thành, và người đá, ông đá ở ngoài thành toan là vật cũ của Chiêm-thành còn lưu lại.

Nguyễn-Nhạc xưng đế thành ấy được 12 năm, cùng với em là Huệ không hòa, Huệ chiếm núi Tam-tháp, đưng trên cao ban vai vào trong thành, vì thế mà Nhạc phải yêu sức, xin hòa, anh em đều giải binh.

Qua mùa đông năm Quý-sửu, Nhạc chết, thành ấy lại về tay con Huệ là Quảng-Toan chiếm cứ. Đến năm kỷ-vị thì Thế-Tổ Cao hoàng-đế thâu phục lại, đổi tên là thành Bình-định, mới ủy cho quan Chưởng hậu-quân là Võ-Tánh và Lễ-bộ thượng-thư là Ngô-tùng-Chu lưu trấn. Qua năm Canh-thân, tướng Tây-sơn là Trần-quang-Diệu và Võ-văn-Dõng đem binh đến vây. Hai ông ở trong thành án cứ lấy núi Long-cốt và đầm Ngạt-đàm, lập nhiều đồn, gác, làm kế cửu trì. Diệu, Dõng không hạ thành nổi, mới khiến quân đắp trường lũy cả bốn mặt mà vây khốn. Đại binh vua Cao-hoàng đến cứu-viện, suốt năm mà không giải đặng, cứ

xem tiếp trang 21

Một chuyện lạ ở quốc sử cận-đại :

Một người pháp làm vua xứ mọi

(Tiếp theo và hết)

ĐẠI ĐẦU-VƯƠNG Marie 1er, vua nước Sé-đăng làm việc « lung » lắm.

Ngài gây ra chiến-tranh để mở rộng bờ-cõi. Ngài xếp-đặt lại các việc trong nước và làm củng-cố tình hòa-hảo với những nước láng-giềng như Lào và Xiêm. Ngài nhương lại những đồn-điền có vàng.

Ngài phong phẩm-tước cho thần dân, đặt các quan tỉnh và các quan phó tỉnh, lập một đạo quân, mở ty Thương-chính, sở Bưu-tín. Lại xuống những đạo dụ nói về việc săn voi và phục-sức của quan, dân. Ngài lại đặt ra các huy-chương nữa.

Nghĩ mình là một vị đế-vương ở một biên-thùy Viễn-đông, chẳng nhẽ còn vương-víu với một người vợ ở Âu-châu làm chi nữa, ngài bèn li-dị hẳn người bạn trăm năm ở bên Pháp.

Ở xứ mọi được năm tháng, đến tháng Septembre, ngài ngự giá về tỉnh Qui-nhơn, thông điệp cho Chính-phủ Đông-dương biết nước mới lập của ngài và xin quyền bảo-hộ của nước Pháp.

Quan sứ Qui-nhơn chỉ ủy-tạo ngài về cuộc thành công trong công-cán mà Chính-phủ phái ngài đi mà thôi, còn việc xin bảo-hộ cho nước Sé-đăng của ngài, thì không tán-thành chút nào, vì thấy khó chịu về ngài quá.

Vua Marie 1er nổi giận lôi-đình, dọa sẽ cầu viện đến những cường-quốc khác. Ngài liền ngự ra Hà-nội, xin vào ra mắt quan Toàn-quyền, nhưng bị cự-tuyệt.

Ngài liền thống mạ trong các báo, lại thửa một bộ triều-phục có tám lon vàng, rồi sang đảo Hongkong vào tháng Novembre đinh tìm những nhà tư bản để khai-khẩn nước của ngài.

Ở Đông-dương, khi ấy, dư-luận đều phản-đối ngài. Chính-phủ coi xứ mọi xưa nay vốn thuộc vào nước Nam, dù bấy lâu dân mọi vẫn chưa qui-phục. Cả những nhà truyền giáo cũng vào hùa với Chính-phủ, phản-đối lại ngài và phàn-nàn trên các báo rằng bị ngài lừa.

Trong lưng ngài bấy giờ gần hết tiền, sang Hongkong cũng không nên được cơm cháo gì, ngài liền trở về Âu-châu vào tháng Janvier 1889, hành-lý có, vẻ bơi bẹn-dệch.

Về đến kinh-thành Paris, ngài lại hoạt-động dữ : cố vận-động lại Chính-phủ để yêu cầu trợ khoản và sự công-nhận quốc-hiệu của ngài. Lúc đầu, câu chuyện hơi có chút kiến hiệu, sau rút lại, lại sự nếm bùn sang ao.

Kể ra ngài cũng khéo phu-diễn trên các mặt báo, đến nỗi dư luận phân-vân : nửa bênh ngài, nửa lại ghét ngài. Phái thì khen ngài là một vị anh-hùng, phái thì chê ngài chẳng qua là một gã « bạt mạng ».

Ròng rã sáu tháng ở Paris, đi lại hết trà lâu nọ đến tửu điếm kia, ban phát vô số cho những người thân-cận nào huy-chương này, phẩm-tước nọ. Thế cũng thu được khá tiền

Rồi ngài đính hôn cùng một bà tục danh là Marie Rose, ngài phong sẵn là chúa Marquisat de Héring.

Cuối tháng Juillet 1889, ngài dời kinh-thành Paris, đến tỉnh Ostende, ngài đương danh vương hiệu ngài lên ở đấy, rồi lại gắn huy-chương, phong

SAIGON
12, Rue Sabourain
Tổng phát hành

TRI TÂN TẠP CHÍ

Tiệm sách : NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM
Bán báo sách Bắc

phẩm-tước, tặng chức quan, lập sẵn lãnh-sự-viên, hiệu-úy và bí-thư, vân vân, cũng nhặt được khá của. Nhưng hai tháng sau, lại lâm vào cảnh cùng quẫn, bà chúa Marie Rose bèn bỏ ngài.

De Mayrena may gặp được vị cứu tinh là một nhà đại tư-bản. Nhà này có tính hiếu danh, tin ngài lắm, trả hết nợ cho ngài và xuất tiền lộ phí cho ngài về nước Nam-bàn. Báo cái ơn tri-ngộ ấy, ngài phong cho nhà tư-bản kia làm ông Hoàng Duc de Sédrar et de Sepyr và cho được hưởng quyền lợi một phần ba trong công cuộc khai khẩn xứ mọi.

Khi ấy, Chính-phủ Đông-dương cũng hành động dữ về việc De Mayrena, muốn giải quyết một lần cho xong, cho khỏi sinh ra chuyện rắc rối. Ông sứ tỉnh Qui-nhơn, vào tháng Avril 1889, được lệnh sang xứ Nam bàn có các nhà đạo giúp sức, nên lại họp các tù trưởng mọi, vốn là thần-tử vua Marie 1er. Các tù-trưởng này cũng thề trung-thành với nước Pháp, y như năm trước đã bầu vua De Mayrena vậy. Thế là lá cờ ba sắc thay vào lá cờ lam có chữ thập trắng và sao đỏ.

Đến tháng Janvier 1890, Đại đầu-vương De Mayrena dời xa-gia tự bến Anvers trở đường về nước mới, có năm người nước Bỉ đi phò.

Đến Février, ngài đến bến Singapour. Ngài ngã ngửa người ra, khi nghe được tin Chính-phủ Đông-dương đã vận-động phòng ngừa cấm không cho ngài bước chân lên đất Đông-dương và nước Xiêm.

Ngán nỗi ở Singapour không ai để ý đến ngài là vị vương-giả! Ngài phải đi ẩn ở đảo Tioman, cách Singapour độ 100 anh-lý

Chắc ngài vẫn chưa quên hẳn nước Sé-đăng của ngài. Ngài bèn nhập môn vào đạo Hồi-hồi, và lấy một người vợ mã-lai tên là Aïssa... Ngài có ý chỉ lối cho các nhà truyền giáo Hồi-hồi vào đất xứ mọi để báo thù lại những nhà đạo Cơ-đốc đã phản ngài.

Đến ngày 11 Novembre 1890 (29 tháng chín niên hiệu Thành-thái thứ hai), ngài thăng hà ở đảo một cách bí-mật. Tin nhà nước thì báo rằng ngài bị rắn cắn chết. Nhưng có kẻ ngờ rằng ngài bị đầu độc hay ngài tự tử. Có kẻ lại nói rằng ngài chết vì đánh nhau.

Đến nay, đã hơn 50 năm, dân xứ Sé-đăng không ai còn nhớ đến ngài nữa. Nước suối trên cao nguyên vẫn chảy xuống, những khóm lan rừng đến mùa vẫn nở hoa, những nhà lều công của dân mọi mà mái cao chót vót như gác nhà chuông, ở dưới mái ấy, khi có cuộc họp dân làng, người ta vẫn nghe thấy tiếng cười cợt buổi hút rượu cần và tiếng âm-nhạc bằng tre du dương đưa vọng ra ngoài rừng rậm.

(Hết)

LIÊN-GIANG

Đón coi:

1) « *Ông Ích-Khiêm* ».

của Nhật-Nham.

2) « *Việt-Nam xưa đã thôn-tính mấy nước ?* ».

của Trần huy-Bá.

Một cuộc thi về lịch-sử do báo TRI-TÂN tổ chức

ĐẦU BÀI

Viết một thiên lịch sử ký sự (récit historique) thuộc phạm-vi Nam-sử bất cứ về đời nào miễn phải là sử-liệu chưa ai nói đến và chưa đăng báo bao giờ (inédit).

Đầu bài tùy tác giả lựa lấy :

Hoặc căn cứ vào tài liệu xác đáng trong sử sách, hoặc đến nơi quan sát, hoặc nhặt lượm tài liệu các cổ-lão kể lại, phải dẫn sách, chứng phân minh.

THỂ-LỆ— Các bài thi viết vào giấy khổ rộng bằng giấy học trò (papier écolier). viết một mặt, giấy ít nhất 10 trang, nhiều nhất 15 trang, dưới bài ký châm ngôn hay biệt hiệu, còn tên, địa chỉ thì bỏ vào phong bì kèm với bài cho được công bình. Hạn gửi bài đến ngày 31 Décembre 1941 là hết. Các bài đều gửi cho :

Ông chủ nhiệm báo TRI-TÂN

195 Rue du Coton Hanoi

Ngoài bì nhớ đề « *Dự cuộc thi Lịch sử* ».

Hội Hợp-Thiện làm chay phả độ

Nhân dịp lễ Trung-nguyên hội Hợp-thiện Bắc-kỳ có định làm lễ truy điệu cho các công đức hội viên và làm chay phả độ vạn linh tại chùa Hợp-phúc trong phúc trang Quỳnh-lôi vào hai ngày 6 và 7 Septembre (tức 15 và 16 tháng 7 ta).

Quyển vàng lần giở

«Một nền giáo-dục Việt-Nam mới» hay là «Xưởng đúc người» của ông Thái-Phỉ

Hội-thống VŨ-VĂN-LỢI

CÁCH đây bốn năm, đại-tướng WEYGAND có xuất-bản một cuốn sách nhỏ : « Comment élever nos fils » *bàn về sự cải-cách nền giáo-dục, mong đào-tạo nên những thế-hệ* thanh-niên mới, giàu nghị-lực, nhiều quả-cảm, có chí phấn đấu hăng-hái, vui-vẻ mà sống và hành-động. Trong ngót 50 trang giấy, Đại-tướng đã dùng một lối *văn lúc giản-dị, hùng-hồn, lúc* cảm-động, thống-thiết, làm cho chúng ta phải suy nghĩ, và *kính-phục bậc lão-thanh, tài-năng* quán-thế, lúc nào cũng nặng một *lòng vì nước, vì dân.*

Theo gương sáng ấy, ông Thái-Phỉ, một nhà mô-phạm « đã từng trông, từng thấy, từng cảm và từng thực-hành » cũng « muốn hô-hào một cuộc cải-cách giáo-dục hoàn-toàn và triệt-để » trên bán đảo chữ S này. Vì đã « trông rõ thấy mặt mũi và tim óc của thiếu-niên và thanh-niên việt-nam hiện-đại », « cái thành-tích » tai-hại « của nền giáo-dục xưa và nay ở nước Nam », đã « trông thấy các loạt thiếu-niên ốm-yếu về thể-chất và bạc-nhược về tinh-thần .. đang đủng-đa đủng-đỉnh bước dần xuống huyệt... », nên ông Thái-Phỉ đã không thể đừng được, và đã mạnh-bạo « thảo ra một kế-hoạch cải-cách giáo-dục » mong đi đến một tương-lai đẹp-đẽ.

« *Một nền giáo-dục Việt-Nam mới* » là « những lời thành-thực và tâm-huyết phát ra tự đáy lòng » một *người* « vừa *làm nghề dạy* trẻ vừa là chủ một gia-đình đông con ». Chúng ta phải thành-thực ngợi-khen tác-giả đã lao tâm, khổ tứ nghĩ đến tiền-đồ nước nhà, mà thảo ra «một kế hoạch» để tạo nên những người việt-nam mới— mới cả về thể-chất lẫn tinh-thần

Trước khi bàn thêm với ông *Thai-Phỉ* về cái « xưởng đúc người » của ông, tôi xin nói ngay rằng ông đã « quá bi-quan hay quá nghiêm-khắc mà thành ra thiên-lệch ». Ông « chỉ nhìn thấy thuần những cái xấu, cái *dở của thiếu-niên : nhu-nhược,* thiếu tinh-thần độc-lập, óc phê-bình, thiếu tinh-thần phương-pháp, kém óc thực-tế và không tháo-vát, giàu óc chối-kệ, không biết trọng *kỷ-luật* và trật-tự, xồ-xàng và thô-tục, hung-hăng xằng, thích xa-hoa và đàng-điếm, không ưa hoạt-động và lười-biếng, kém tinh thần thích-nghi (esprit d'adaptation), không có tín ngưỡng và không thờ một lý-tưởng nào, không có ý-thức quốc-gia (conscience nationale) ; họ chỉ thờ có mỗi một thứ : Ái-tình và hiện-thân của Ái-tình là người đàn bà ». Ông Thái-Phỉ đã thừa biết rằng : « nhân vô tuyệt toàn » và mền-đay nào mà không có mặt trái. Nên ông đã nói thêm rằng : « Thiếu-niên ngày nay *thảng hoặc có vài đức tính chi đó* (sao ông không kể ra ? ?) thì bên cạnh các cái xấu và dở « tây đình » trên kia, *cái đức-tính nhỏ-nhặt* (một lần nữa sao ông không kể ra ? ?) ấy cũng bị lu-mờ đi và thường không đủ để « đánh dấu » lấy họ ».

Tác-giả cho thế là chưa đủ, nên lại viết thêm : « Giá-dĩ công-việc của tôi làm đây không phải là điều-tra về thiếu niên hiện thời, nhưng là *tìm xem họ có những khuyết-điểm gì* để rồi liệu cách bồi-bổ cho họ mà thôi ». Rõ ràng là tác-giả đã quá bi-quan mà thành ra thiên-lệch. Nhà y-sĩ, trước khi muốn đưa con bệnh lên bàn mổ, để chữa một bộ-phận nào trong người, tất phải xét xem những bộ-phận khác — đều có liên-lạc mật-thiết cả — còn tốt hay đã bị hư-hỏng rồi, vì như đau tim nặng, hay đau phổi, thì không đủ sức mà chống lại với lưỡi dao giải-phẫu. Nói một cách khác, con bệnh có hi-vọng khỏi được, có thể chữa được, vì lục phủ, ngũ tạng còn tốt cả, thì mới dùng đủ cách, thang thuốc hoặc mổ trích để chạy chữa. Con bệnh đã vào thời kỳ trầm-trọng thập tử nhất sinh, thì dù thuốc hay, thầy giỏi đến đâu cũng khó mà chữa được. Cũng vậy, nhà mô-phạm trước khi bồi-bổ về tinh-thần cho thiếu-niên, tất cũng tìm xem họ có những đức tính gì, để nhân đấy, gầy lấy những đức tính khác, mới mong phương thuốc của mình có hiệu quả. Nếu lương-tâm họ chưa đến nỗi lu-mờ hẳn, thì rất có hi-vọng một ngày kia họ sẽ cải tà quy chính mà noi theo con đường sáng-sủa của nghĩa vụ và danh-dự.

Ông Thái-Phỉ tìm những khuyết-điểm của thiếu-niên (trang 64) ; nhưng, « trước khi giáo-dục thiếu-niên », ông lại « thấy phải làm cho *người lớn tỉnh-ngộ trước đã* » (trang 72). Vậy ra « *người lớn* » cũng có ít nhiều khuyết-điểm ? (« Trong các gia-đình, các bậc cha mẹ phải tự nghiêm-cấm mình » và như thế tức là nghiêm-cấm con cái về sự xa-hoa ; kiêng nói tục và cẩn-thận lời nói ở trước mặt trẻ, vân vân) (trang 123).

Cứ công-bằng mà nói, dân-tộc việt-nam mình, bên cạnh những cái dở, không phải là không có

những cái hay. Ông Tuyết-Huy Dương-Bá-Trạc, trong tập « Tiếng gọi đan » xuất bản năm 1925, đã công nhận rằng người mình có tính trọng gia-tộc, trọng sinh-mệnh, trọng danh-dự, ham cạnh-tranh và hiếu-quần. Thiếu-niên việt-nam được thừa hưởng cái gia-tài tinh-thần di-truyền kia, không phải là không có những cái hay. Chúng tôi mong rằng sự khủng-hoảng về tinh-thần của một hạng thiếu-niên ngày nay sẽ chỉ là nhất-thời, và chẳng bao lâu cái tinh-thần cố-hữu của nòi giống, tiếng gọi xa-xăm của các bậc tiền-bối đã từng ghi vào lịch-sử những trang oanh-liệt, sẽ trở lại với những thế-hệ thanh-niên mới, và thức tỉnh lương-tri họ.

« Mục đích của nền giáo-dục mới », theo tác giả, « là thích-nghi thế nền việt-nam về đường vật chất và tinh-thần với một xã-hội việt-nam tương lai ». Bởi vậy, tác-giả « nghiên-cứu cái *thị trường mới* trong đó « cái công-cụ do *nường đúc người* » của ông « chế-tạo sắp-sửa đem ra tiêu thụ ». Nghĩa là tác-giả « muốn thử phác qua *một xã-hội việt-nam mai sau* bằng sách đi trước thời đại ».

Dưới mắt ông Thái-Phỉ, nhà nông sẽ dỡ vất-vả, và thu-hoạch được nhiều. Chỉ cần phải « tìm cách chế ngự Tạo-vật » và « theo những phương-pháp canh-tác mới, dùng những khí-cụ tối-tân » « Nước Nam sau này muốn có một nền kinh-tế vững-chắc, tất phải thành ra một nước công-nghệ mới được »... « Công-nghệ đã phát-triển thì bao nhiêu chế-độ mới về thương mại và lý-tài cũng đồng thời xuất-hiện (?) Cho được kinh-doanh các công-việc to-tát ấy, ta phải có những người hoạt động như ở các nước tân-tiến mới xong »... « Cuộc sống *khi ấy* sẽ cần đến nhiều tài-năng và đức-tính mà người ta nếu không có tất sẽ bị đào-thải ngay ».

« Vậy *một người mới của xã-hội việt-nam mai sau* », theo ý ông Thai-Phỉ, « phải *khỏe và sạch* về thể-chất. *Về tinh-thần*, phải : yêu đời, vui-vẻ, hoạt-động ; có tinh thần độc-lập, có óc khoa-học, óc thực-tế ; trọng kỷ-luật và trật-tự ; có tinh-thần gia-tộc, ý-thức quốc-gia ; một lý-tưởng để mà phụng-sự ; biết tránh sự xa-hoa và sự phụ-nhược ; sống một cuộc đời thật giản-dị; có chí làm lớn và gan dạ ». Tất cả gồm có 13 điều-kiện. Có lẽ khó nhiều !

Theo ngu ý, thì thanh-niên việt-nam cũng như thanh-niên các nước khác, ở hiện-đại, cũng như ở xã-hội mai sau, cần phải có một tâm hồn trong-sạch trong một thân thể cường trang. Nói một cách khác, cần phải khỏe về thể-chất ; uyên-bác về phương-diện trí-thức, sang-suốt về phương-diện luân-lý (Formons des hommes forts physiquement, intellectuellement, moralement. Général WEYGAND, Comment élever nos fils, p. 46). Một người khỏe về thể-chất, thì lúc nào cũng vui-vẻ, hoạt-động và yêu đời. Có học-vấn uyên-bác, tất nhiên là có óc khoa-học, có tinh-thần độc-lập, có ý-thức quốc-gia, có một cuộc đời bên trong (vie intérieure) dồi dào v... v... Có quan-niệm sáng-suốt về luân-lý, tất biết tránh sự xa-hoa, phụ-nhược, sống một cuộc đời giản-dị, v... v...

« Một kế-hoạch để tạo nên một người việt nam mới » : đây mới chính là chỗ dụng công nhất của tác-giả *Những phương-tiện chính* trình bày ở chương VI, hay là « *cái khuôn nhất-định để đúc cái mẫu* » người mới, do ông Thái-Phỉ « sáng-tạo ra », tiếc thay ! lại bị k. d. bỏ mất đoạn đầu (I-10). Về phương-diện giáo-dục, tác-giả bàn nên có hai nền học cốt-yếu :

a) Quần chúng giáo-dục, tức là phổ-thông giáo-dục ;

b) Thượng lưu giáo-dục.

Nền quần-chúng giáo-dục phải tách ra : hương-thôn giáo-dục, và thành-thị giáo-dục (trang 108).

Ngoài ra, chương-trình học nên đơn giản và thiết-thực (giản-ước và thiết-thực về mặt trí-thức ; phong-phú về mặt đức-dục). Nền thể-dục cần phải chỉ-huy. Sau hết tác-giả tin rằng sự « cưỡng-bách việc đầu quân » rất hiệu-nghiệm. « Cai quân-quốc chủ-nghĩa (militarisme) là phương thuốc chữa bệnh xa-hoa và nhu-nhược rất linh-nghiệm. Quân đội là cái trường rèn đúc tinh-thần kỷ-luật và trật-tự rất hiệu-lực » (trang 120).

« Cưỡng-bách việc đầu quân « chưa đến lúc mang ra thực hành được.

Hiện nay, các trò em từ 6 đến 10 tuổi phần nhiều nhập vào các đoàn Sói con, luyện theo tinh-thần hướng-đạo, sẽ biết trọng kỷ-luật và danh-dự. Các trò từ 12 đến 16 tuổi, thiết tưởng, nên nhập vào các Trại Thanh-niên sẽ thành-lập khắp trong nước (hiện nay ở trên Ba-Vì đã có một trại thanh niên kiểu-mẫu) Đức-dục sẽ được đặt lên trên trí-dục ; vì biết ít mà rành-rọt, còn hơn biết nhiều mà lộn xộn (Tête bien faite vaut mieux que tête bien pleine). Vả lại, khoa-học mà không có lương-tâm, thì chỉ là sự đồi-bại của tâm-hồn (Science sans conscience n'est que ruine de l'âme).

Xem tiếp trang 20

Một nhà đại-văn-hào Ấn-độ vừa tạ-thế

RABINDRANATH TAGORE (1861 — 1941)

NHÂN - NGHĨA

II. — Văn chương

TAGORE có soạn tới 30 cuốn thi-ca, 14 kịch-bản, 10 tập tiểu-thuyết ngắn, 8 cuốn tiểu-thuyết giá-trị và nhiều tập diễn-thuyết.

Về thi-ca, ngoài cuốn « *Gitanjali* » (*L'Offrande lyrique*), còn có những quyển này đã dịch ra pháp-văn : « *Le Jardinier d'amour* » (dịch năm 1920), « *La Corbeille de fruits* » (dịch năm 1921), « *La fugitive* » (dịch năm 1922), « *Le Croissant* » hay là « *La jeune lune* » (dịch năm 1924), « *Les oiseaux égarés* », « *Les Reliques de la pensée* », « *Poèmes de Kabir* » (đều dịch năm 1924), v. v...

Trong các kịch-bản đã dịch ra pháp-văn có : « *Le cycle du printemps* » (dịch năm 1926), « *Le roi de la chambre noire* », « *Sacrifice* », « *Post - office* » (dịch năm 1925 đổi là : *Amal ou la lettre du roi*), « *Chitra* », «*La Machine* » (dịch năm 1929), v. v...

Trong các tập tiểu-thuyết ngắn, có hai tập « *Les pierres affamées* » và « *Contes de Mashi* » (dịch năm 1925) gồm độ 30 bài, lời văn giản-dị, chẳng khác những truyện ngắn của Guy de Maupassant.

Về tiểu-thuyết giài, những cuốn đầu tiên viết vào khoảng những năm 1877-1890, chịu nhiều ảnh-hưởng của một văn-sĩ Ấn-độ khác, đã nổi tiếng hồi bấy giờ, là *Bankim Chandra Chatterjee*.

Trong khoảng những năm 1890-1900, những tiểu-thuyết ngắn của tiên-sinh đã thoát-ly ảnh-hưởng ấy và chú trọng tả cuộc đời của dân quê và hạng trung-lưu trong xã-hội ấn-độ.

Rồi về sau, mới đến những tiểu-thuyết xã-hội giài, viết vào những năm sau này :

1900 1902 : *Nauka Dubi* (Le Naufragé), mãi năm 1929 mới dịch ra pháp-văn ;

1904-1905 : *Chokha Bali* (Trisesse des yeux), không dịch ra pháp-văn ;

1908-1910 : *Gora*, dịch ra anh-văn năm 1923, không dịch ra pháp-văn ;

1913-1914 : *Gharé Bairé* (La Maison et le Monde) dịch ra pháp-văn năm 1921 ;

1914-1915 : *Chaturanga* (A quatre voix) (1) dịch ra pháp-văn năm 1924.

Còn những bài diễn-thuyết đọc ở Âu-Mỹ và Nhật-bản, thì khi về nước, tiên-sinh có in thành sách, như những quyển «*Sadhana ou la Réalisation de la vie* », gồm cả triết-học của tiên sinh ; « *Personnalité* » nói về mỹ-thuật, nhân-cách, đàn bà, v.v. . ; « *Nationalisme* » nói về chủ-nghĩa quốc-gia ở Tây-phương, Nhật-bản và Ấn-độ ; « *L'unité créatrice* » nói về tôn-giáo của thi-nhân ; « *Orient et Occident* », so sánh văn-minh Đông-Tây, v.v...

Ngoài ra, tiên sinh còn có một quyển tự-truyện, nhan đề là «*Réminiscences* » hay « *Souvenirs* » (dịch ra pháp-văn năm 1925), thuật lại đời mình từ nhỏ đến năm 24 tuổi, và một tập « *Lettres à un ami* ».

●

Sau cái bảng kê-khai trên này, tôi tưởng nên xét qua một vài quyển giá-trị nhất. « *Amal ou la lettre du roi* » là một vở kịch nhuộm màu sắc thần-tiên : một đứa trẻ — Amal — ốm lặng, nằm chờ chết trong một căn buồng tối mò, nằm chờ một cách ngoan-ngoãn, nhẫn nại, không rên-la không khóc-lóc. Nó mơ thấy nhiều thứ lắm : giấc mơ đẹp-đẽ nhất là nó nhận được một phong thư của đức vua mà nó ngày đêm chờ đợi ; nó mơ thấy mấy giờ sau khi nó nhận được thư, thì đức vua thân-hành đến thăm nó. Giấc mơ đẹp đẽ ấy khiến nó yên ngủ, lòng chứa chan hi-vọng, nhưng ngủ mà không bao giờ tỉnh lại nữa.

« *Sacrifice* » (*Hi-sinh*) là một vở kịch thâm trầm, mô tả sự xung đột vô tận của lòng mê tín với sự tiến-bộ khoa-học : Một đứa con gái nhỏ bị người ta bắt mất con dê cái của nó, đem giết để tế nữ thần Khali. Thấy nó khóc lóc thảm thiết, vua Govinda đem lòng thương hại và ban lệnh cho toàn quốc, cấm

(1) Chính chữ « chaturanga » nghĩa là «có 4 phần » (A 4 parties) vì cuốn sách có bốn phần : L'Oncle, Satish, Damini, Srivilas.

Đến tháng 8 ta này... ngày kỷ-niệm đức Trần-Hưng-Đạo, bản chí sẽ ra một số đặc biệt nói riêng về bậc vỹ-nhân của nước Nam ấy.

giết chúng sinh để tế thần như trước nữa. Sự ngăn cấm ấy làm cho giáo sĩ Rhagupathi tức giận, vì bổn phận hắn là phải gìn giữ những tục tế lễ đã có từ mấy nghìn năm. Hắn xui giục người này người khác và xui cả vợ vua cùng con nuôi vua tìm cách hại nhà vua. Thấy nói cần phải có máu của hoàng-gia để đem tế nữ-thần, đứa con nuôi của vua lại không rỡ nào hại nhà vua, nó liền đâm cổ chết để có máu. Tấm gương hiếu nghĩa trung liệt ấy làm cho giáo-sĩ tỉ h ngộ và cũng xoay ra công kích sự tế-lễ, khiến nhà vua có thể dễ-dàng ban bố cấm lệnh.

●

Trong các tiểu-thuyết xã-hội của Tagore được hoan-nghênh nhất là quyển « *La Maison et le Monde* » (Gia đình và thế-giới) (1)

Tiên-sinh đã cho hai tư-tưởng này xung-đột nhau : một đảng là chủ nghĩa ái quốc hiểu theo một cách rộng rãi yêu nước nhưng không vì thế mà phải bài ngoại; một đảng là chủ nghĩa quốc-gia hiểu theo một cách hẹp hòi yêu nước đến nỗi thù ghét hết thảy cái gì là của ngoại quốc. Tiểu-biểu cho phái trên là chàng Nikhil một vị quốc-vương khôn ngoan. Tiểu-biểu cho phái dưới là chàng Sandip nóng nảy tàn bạo.

Nikhil không chịu ra lệnh « tẩy chay » hàng ngoại-quốc vì hiểu rằng làm thế không ích gì, mà lại còn hại đến quyền-lợi của dân-chúng ở dưới quyền cai-trị của ông nữa.

Nhưng kẻ địch của ông — phái Sandip — buộc tội ông là hèn-nhát, là phản-quốc. Người ta tô-vẽ hình ảnh ông rồi đem đốt cháy trong các công viên ở nhiều tỉnh của xứ Bengale. Đau-đớn nhất là nàng Bimala, người vợ yêu-dấu của ông, cũng dần dần xa lánh ông vì nàng tán-đồng chủ-nghĩa của Sandip mà nàng cho là một vị anh hùng của tổ-quốc.

Nhưng dần dần nàng cũng hiểu cái mặt trái của Sandip: bản có một tâm địa đê hèn, tham quyền cao, hám chức-trọng, chạy theo đồng tiền bất-nghĩa. Nàng tỉnh ngộ nhưng đã muộn rồi: chồng nàng, muốn giữ tự do tư tưởng, cũng đã trả lại tự do cho nàng. Bimala giở lại với chồng giữa lúc Nikhil bị dân chúng nổi loạn giết chết, trong khi Sandip chạy trốn một cách hèn nhát.

Cuốn tiểu thuyết này là hình-ảnh nước Ấn độ hiện nay, bị xâu xé giữa hai luồng tư-tưởng ái quốc: một đảng chủ bạo-động, một đảng chủ hòa bình; một đảng đi đường cách mệnh, một đảng đi đường văn hóa tư-tưởng.

Tagore đã bênh vực thuyết hòa-bình bằng cách ca tụng lòng ái quốc chân chính của Nikhil.

Tiên sinh không tán đồng sự bạo động, nhưng kẻ nào dám bảo tiên sinh không yêu nước? Tiên sinh đã một lần trả lại Anh hoàng tước « chevalier » (không nhận chữ *sir* đặt trước tên) kèm theo một bức thư thống thiết nói mình không dám mơ tưởng phú quý vinh-hoa

Kiểm duyệt bổ

Nhân-Nghĩa

(1) Một bản dịch ra quốc văn đã đăng trong tạp chí « Tao-đàn ».

Thống-chế PÉTAIN đã nói

« Chúng ta có thể, theo một « nền kinh-tế có tổ-chức, thiết-« lập những khu cộng-tác « vững-bền mà ở đó mỗi « người sẽ có địa-vị và lương-« bổng xứng-đáng với tài-« năng của mình ».

Cách gửi thư và đệ công-văn của ta ngày xưa

Thương anh, em cũng muốn vô,
Sợ chuông nhà Hồ, sợ phá Tam-giang (1)

NGƯỜI thiếu-phụ nhớ chồng, nhớ ý-trung nhân vì thấy đường-xá gian-nan, diệu-vợi, nên đã có câu « nhắn nhe » ấy. Hồi xưa, từ Bắc vào Nam không phải một ngày, vài ngày mà tới ; song phải đi hàng tháng hàng năm, lại còn ngại những nỗi dọc đường : nào trộm, cướp, giặc-giã, đò-giang là khác. Gia chi dĩ cách thông tin-tức lại càng khó-khăn hơn : chỉ thân gặp người nào thì « nhắn nhời », tuy cũng có nhà trạm, nhưng chỉ để riêng dùng vào việc công-văn của nhà-nước.

Nhà trạm hồi xưa tổ-chức ra sao ? Nhà Lý, vua Thái-Tôn (1028-1054) chia đường quan-lộ từ kinh-thành đến các tỉnh-ra thành từng cung một, mỗi cung lại có đặt một nhà trạm, gọi là cung-dịch hay trạm-dịch. Nhà trạm ấy chuyên coi việc chạy giấy tờ. công-văn từ kinh-thành ra các tỉnh. Lại còn dùng làm nơi nghỉ chân, thay ngựa, thay phu của các quan-chức sai đi các việc.

Từ nhà Lý về sau, các triều cũng theo nếp ấy mà đặt thêm nhiều cung trạm.

Bản-triều đặt trạm từ Huế vào Nam-kỳ và ra Bắc-thành (Hanoi). Nhà trạm làm ngay vệ đường quan-lộ, lợp lá Mỗi trạm có chức dịch-mục hay dịch-thừa trông nom ; dưới có lính trạm độ 3, 4 người, lúc nào ít ra cũng phải có hai người túc-trực ở nhà trạm, phòng có việc giấy má cần kíp.

Những viên-chức nhà trạm cùng lính trạm đều thuộc quyền bộ Binh trông nom. Ở các tỉnh thì nha Án-sát phải giữ việc phát lương và giao công-văn Lương tháng của họ cũng như lính cơ và đều được miễn trừ phu-phen, tạp-dịch.

Công-văn của nhà nước, khi xưa, thường đựng vào những ống tre to gọi là « *ống công văn* » hai đầu đều buộc giây, gắn dựa thông cùng đóng dấu rất kỹ-lưỡng. Lính trạm không những chỉ chạy công-văn, thư tín, lại còn phải mang hòm-siểng, khiêng cáng, khiêng võng cho các quan to hoặc từ Huế chảy ra Bắc, hoặc từ Bắc tiến Kinh. Cách đi như thế gọi là đi « *do dịch* » Ngoài ra, hằng năm, lại phải đệ những đồ tiến về Kinh để nhà vua dùng (như gạo tỉnh Bắc, chuối tỉnh Nam, chim sâm-cầm hồ Tây, cam Nghệ-an, mía Thanh-hóa v. v...)

Lính trạm ăn mặc như người thường, chỉ khác là trên vai đeo mấy cái nhạc hay mấy cái chuông con để làm hiệu khi đi đường Dọc đường, nếu gặp lính trạm thì ai cũng phải tránh. Qua các bến sông, các đò ngang, bao giờ lính trạm cũng được chở đi trước.

Lính trạm thường đi bộ, khi có việc quan hay việc quân khẩn-cấp thì được dùng ngựa. Người lính trạm cưỡi ngựa, muốn cho kẻ khác tránh mình và khỏi bị ngăn-trở dọc đường, thường tay cầm một nắm lông gà hay một quả củi cháy dở để làm hiệu. (Tục gọi hòn than lông gà là thế). Có lẽ cũng vì nghĩa ấy nên trong các tờ trát hay thẻ bài của các quan thời xưa thường thấy phê hai chữ « *hỏa tốc* » khi nào có việc cần-kíp.

Những lính trạm của quan tướng đi đánh giặc có tin bao tiệp (báo đánh được giặc) thì tay cầm cờ đỏ chạy về Kinh.

Chạy công-văn, giấy-tờ của Nhà-nước cũng có kỳ-hạn : đại-khái việc cần phải đi gấp, như từ kinh-đô Huế ra Bắc, phải đi ngày đêm trong 3 hôm ; việc không cần thì đi trong sáu hôm ; đi lâu không được quá 12 hôm.

Còn về luật-lệ thi-hành trong công việc chạy trạm, trong luật bản-triều (2) định rằng :

« *Phàm lính trạm chạy công-văn, mà để chậm, phải 20 roi, mỗi chậm ba khắc canh gia tội một bậc, tội chỉ đến 50 roi. Nát rách một giác (một góc) phong-bì ngoài, mà không động đến nguyên-phong thì phạt 20 roi, mỗi 3 giác gia tội một bậc, tội chỉ đến trượng 60. Làm như nát một giác công-văn mà không động đến nguyên-phong, thì phải 40 roi, mỗi 2 giác, gia tội một bậc, tội chỉ đến trượng 80 Nhược bằng giấu mất công-văn, hay là xé ra một giác nguyên-phong thì phải trượng 60, mỗi một giác gia tội một bậc, tội chỉ đến trượng 100.* Công-văn việc quân-tình cơ-mật, thì bắt *tội nặng hơn* » (Điều 211 luật binh). Lại còn định :

« *Phàm giấy tờ báo gấp việc quân-tình mà cố ý không cho trạm chạy, thì phải trượng 100, vì thế mà hỏng nhỡ việc quân cơ, thì phải trảm giam-hậu* » (Điều 216 luật binh). Và :

Phàm việc quan, có những người hay là của đồ các thứ nên phải đem đi, mà để chậm lại, thì mỗi ngày phải 20 roi, tội chỉ đến 50 roi (các việc quân-nhu thì khác.) » (Điều 217 luật binh).

Thấy luật trên nghiêm khắc, nào « roi, trượng trảm » như thế, chắc ai cũng yên trí rằng việc thư tín ngày trước tất hoàn bị lắm. Nhưng luật-lệ là luật-lệ, mà thi-hành lại là việc khác.

Các tệ tục về lính trạm tưởng cũng nên nói rõ : Khi trước, lính trạm phần đông ỷ mình mang công-văn Nhà-nước, nghênh-ngang

TIÊN-ĐÀM

Xem tiếp trang 16

(1) Đương bộ vào Trung-kỳ có chuông nhà Hồ là một khu rừng rậm lắm kẻ cướp tụ họp cướp bóc khách bộ-hành. Sông to ở Tam giang rất nguy-hiểm cho thuyền-bè. Về sau, quan Nội-tán Nguyễn-khoa-Đăng trừ được đám cướp ấy và phá được sông dữ ấy.

(2) Coi luật An-nam lược đủ 398 điều của Đỗ quang-Đình, Imprimerie Tonkinoise Bạch Thái Bưởi et Cie, in năm 1911. Luật binh thuộc về nhà trạm 18 điều (từ 211 đến 228)

Chinh... của MH-TUYỀN ...Chiến

Trái đất xoay quanh vòng nhật nguyệt,
Chiến-tranh tấn-bộ đến đâu ngừng?
Bể rộn, non lay, dồn thác huyết,
Văn-minh tuyệt-đối rạng dần chăng?
Cổ kim tin - tưởng chừng hẳn thế:
Lịch-sử muôn đời vết máu rây.
Huyền-vi tạo-hóa khôn dò lẽ,
Thí-nghiệm nhân quần táng đởm thay!

x

Dựa gió thổi về nơi dụng chiến,
Thuyền binh trăm chiếc cánh buồm dương.
Quan quân khoanh gối, vui chò truyện,
Sóng dập dồn đưa, lái nhẹ nhàng.
Vất vả tay chèo khi sóng lặng.
Gió yên, buồm hạ, tiếng reo hò.
Một đan quấn chiếu đi thẳng thẳng
Trên thảm nhung xanh lẫn màu gio.

Trong sương thấp thoáng cờ phơ phất:
Thuyền địch lô nhô tiến lại gần.
Ba quân bày trận thành chữ nhất,
Mộc đỡ, dao đâm, miệng thét rầm.
Tên bay, gươm múa, đầu-lâu rụng,
Thuyền ụp, quân bơi, tướng lộn nhào.
Máu vọt đỏ ngầu muộn lớp sóng,
Mặt bể vang lừng tiếng trọi đao.

x

Trăm vạn hùng binh, tàn phất phới,
Lục tục trèo non, vượt suối, đi...,
Thẳng đường tiến phát ra biên-giới;
Cung, tên, giáo, mác, kích, gươm, trủy...
Uy nghi võ-tướng trên mình ngựa,
Chiêng trống vang trời nối gót theo.
Đoàn xe lương thảo chen vô giữa:
Hồn hển bò la, bánh gỗ kêu.

Đuốc nửa sáng chưng trời một góc,
Chiến-sĩ như cuồng, chém giết say.
Ngựa hí, voi xô, còi, ốc rúc,
Sườn phanh ngực thủng, tóc, đầu bay!
Bóng tên tua tủa, giây cung phựt,
Ngọn kích tung hoành, trống trận rung.
Máu chảy dạt dào, thây chồng chất,
Gươm thần nhấp nhoáng khoảng không-trung.

Lầm-lội sa-trảng yên khói lửa,
Ủ rũ tà-huy, ảm đạm chiều!
Máu đọng, xương phơi, da thịt rữa,
Thây nát, kinh hồn tiếng quạ reo!
Vật lộn anh-hùng cơn ngắc ngoải,
Chân quặp đầu lâu, kiếm đỏ lòm,
Tóc chấm bùn đen, thân quằn quại,
Đảo ngược con ngươi, mím chặt mồm!

x

Khoa-học điểm-tô non nước cổ,
Chinh-chiến ngày nay khác thủa xưa.
Liệt-quốc tranh hùng ngôi bá-chủ,
Mặt trận bao la chẳng bến bờ:
Từ bãi cát đỏ vùng sa-mạc
Tới làn tuyết trắng Bắc-băng-dương,
Thoăn thoắt tầu ngầm qua sóng bạc,
Đồ sộ xe tăng bắn lửa vàng.
Bom rội vang lừng trong bốn cõi,
Phi-cơ tới tấp khắp năm châu.
Mịt mù hơi ngạt tuôn mây khói,
Lơ lửng từng không toán nhảy dù.
Biển ca đưa tin bộ sát đáy,
Truyền-thanh trò chuyện nối đông tây,
Đại-bác uốn cong đường đạn chạy,
Thủy-lôi chờ đợi, bập bềnh, xoay...

x

Một đoàn chiến-hạm đương dò lối
Bên địch từ lâu tản bốn phương.
Gan góc tầu ngầm, không tiến thoái,
Ngư-lôi phóng trộm, phá tuần-dương.
Tiếng nổ dậy vang, tung tóe bạc,
Phi-cơ tức tối ném bom tràn.
Nhả đạn quanh mình, xoay đại-bác,
Tuần-dương nghiêng đổ, sóng leo ngang.
Thủy-thủ lao mình, ôm mây nước,
Tầu ngầm lẩn chốn giữa mênh mang.
Theo sau thiết-giáp không dời bước,
Chôn sống quân thù dưới đại-dương...
Bên sám chiều hôm lên tiếng khóc.
Chiến-hạm xa xa khuất bóng rồi.
Mặt trận còn loang ngọn lửa bốc
Thâu đêm sáng rực một phương trời.

x

Tiếng còi báo động nghe thê thảm,
Giục cả châu - thành sửa soạn mau!...
Khóa cửa, bồng con đi trú ẩn,
Nhân-dân chen chúc xuống hầm sâu.
Oán than, rên rỉ, chuông vàng rộn;
Nhớn nhác trông nhau khách bộ-hành.
Trời xanh, cao thẳm, không mây gợn,
Trước cảnh trần-gian đón nhục hình!

Lớp lớp tầu bay bay vụt tới,
Nhả bom dậy đất, lệch nghiêng trời;
Lửa bốc tứ tung, mờ mịt khói,
Đá vôi cất cánh, xác người rơi!
Khu-trục liều thân xua đuổi cố,
Phóng-pháo tung hoành ác liệt sao!
Ngẩng đầu, cao - xạ tung đòn gió,
Phát hỏa phi-cơ tẻ tẻ nhào

x

Dồn dập tiến nhanh như nước lũ
Phá đê xâm lấn giải trung-châu.
Chiến-xa thiết-giáp đương rầm rộ
Vượt qua đèo núi, cánh rừng sâu
Lắm lúc treo leo trên đá chởm,
Nhiều khi ngoi ngóp dưới bùn lầy.
Chẳng ngại hào to cùng lũy nhớn
Với rào gai, rậm chứa bom đầy.

Trời thẳm, phi-cơ bay hộ vệ,
Pháo-binh hậu tập dọn đường đi.
Chiến-xa công phá hàng chiến-lũy
Nấp dưới cây xanh, ngọn cỏ che.
Cơn bão lửa, mưa gang, thép, sắt
Của địa-lôi, trái-phá, thần-công,
Của lựu-đạn, liên-thanh, đại-bác,
Khét thui xương thịt, đốt thành không!

Biết bao thị-trấn cùng làng mạc,
Chiến-tranh mang lại cảnh điêu tàn?
Biết bao già trẻ chôn vùi xác
Dưới núi than hồng, gạch ngói tan?
Biết bao tác phẩm truyền muôn thủa,
Tràn lan ngọn lửa, vét kho tàng?
Biết bao dinh-thự, lâu-đài cổ,
Ngàn năm mất tích bóng huy-hoàng?

x

Trong gió vẳng qua tường nát đổ,
Rì rao ngân giọng của thời-gian,
Thấy tiếng ba quân đời thượng-cổ,
Buồn ca thê thảm chốn nhung-trảng!

Trong gió vẳng qua tường nát đổ,
Rì rào ngân giọng của không-gian,
Thấy tiếng thần-công, bom lửa nổ,
Giật mình, kinh khủng giấc mơ màng!

MINH - TUYỀN

Mảnh sử-liệu

Binh pháp nhà Lý được ứng dụng ở nước Tàu

ĐỐI với Tàu xưa, ta thường coi họ bằng con mắt « tâng bốc », nên bất cứ về mặt nào, ta cũng vẫn thường quý Tàu, thích Tàu, ưa bắt chước Tàu : học-hành khoa-cử theo Tàu, quan-chế theo Tàu, điển-chương luật-lệ cũng theo Tàu... Ấy còn chưa kể kiến-trúc theo kiểu tàu, chạm-trổ theo mẫu tàu là khác.

Nhưng, trong khi người mình « sinh Tàu » ấy, thì có cái, chính Tàu lại học lỏm của « An-nam ».

Để chứng thực lời đó, tôi xin trích dịch một đoạn trong mục « *Điển-vựng* » ở sách « *Vân Đài Loại Ngữ* » do tác-giả Lê-quí-Đôn đã giới-thiệu với chúng ta cái sử-liệu ấy :

Tống-sử chép: «Sái-Diên-Khánh «ngồi» Hoạt-châu, từng vớ được « An-nam hành quân pháp », đem đọc, rồi phỏng theo binh-chế của An-nam. Bộ chia làm chín phủ : quân chính-binh, tay cung tên, đoàn người ngựa. Các tướng họp thành trăm đội, chia ra làm bốn bộ : tả, hữu, tiền, hậu. (Mỗi) đội (khi lâm trận) lại có những lối chủ-chiến (đóng lại mà đánh) và thác chiến (mở ra mà đánh) khác nhau. Bộ-kỵ và khí-giới thì mỗi tướng đều đồng nhau. Để binh mã người Phiên làm đội riêng, tùy theo chỗ họ ở mà chia ra cho phụ-thuộc vào. Số các tướng không bằng nửa số chính-binh, cốt để chế-trị bọn chính-binh đó. Cho hạng người già yếu đóng ở thành lũy, cứ tùy theo xa gần mà chia tách ra, khiến cho kẻ Phiên, người Hán không lẫn lộn nhau, để phòng khỏi sinh biến. Vua (Tống) Thần-Tông (1068-1085) lấy làm phải ».

Rồi tác-giả « *Vân-Đài Loại Ngữ* » bình thêm : « *Binh-pháp nhà Lý được Trung-triều (Tàu) lấy dùng là thế đó. Mặt bắc, phá được châu Ung, châu Liêm ; mặt nam, binh được Chiêm-thành, Ai-lao ; hễ đánh, không đâu không thắng : thật có cái cớ tại vì thế chứ !* »

H. B.

Cải-chính

T. T. số 11, tr. 6. c. 3, d. 24 : thừa hai chữ « chính nam » ; tr. 11, c. 1 d 20 : «Sanh là cầm», sửa là «...*chèo-chở*» ; « sanh-trì » (d. 22) nghĩa là « *chèo-chở giữ-gìn* » ; hoa san (d 40), sửa là hoa sen.

P. N. KHUÊ

Cường lại đau khổ, phấn đấu liền liền, đó là châm ngôn của những người yêu mình, yêu đời, yêu sự sống. Đừng phàn nàn ! Đừng mơ-mộng ! Vùng mình vào giữa trận tiền. Và phấn-đấu luôn luôn, mãi mãi, lặng lẽ mà gan góc, trầm-tĩnh mà hăng hái. Ngày lại ngày, tiến dần vào cõi sống, sua tan những bóng ma, phá đổ các trở lực.....

Trích trong cuốn

NGUỒN SINH LỰC

của P. N. Khuê

Sách in rất đẹp, giá 1$15

Đã có bán ở khắp các hiệu sách

HÀN-THUYÊN XUẤT-BẢN-CỤC

71 Phố Tiền Tsin — Hanoi

ĐỀU MỚI IN LẠI LẦN THỨ 2

SỐ TỬ VI LẬP THÀNH

Dạy lấy số tử-vi không phải tính các Sao — dạy cả cách đoán đã kinh-nghiệm

Giá 0p.60

TỬ VI PHỤ ĐOÁN

nối vào quyển trên — Giá 0p.35

của

nhà lấy số tử-vi rất có tiếng là Nguyễn-Phúc-Am, chủ Thiên-Phúc-Đường

Mua buôn tại hiệu sách Đông Tây

195, Phố Hàng Bông — Hanoi

Mua lẻ cả hai quyển giá bằng tem (cờ) cũng được, nhớ thêm tiền cước là 0p.20 cho hiệu sách ấy.

Ba-Tư trên bàn cờ quốc-tế

Nhật-Nham

BA-TƯ, một nước nhỏ ở miền Cận-đông, tự nhiên chiếm một địa vị quan trọng trên trường quốc-tế: một vinh dự rất nguy hiểm đến vận-mệnh quốc-gia, một tình trạng có thể trong chốc lát làm cho đất bằng nổi sóng trong một nước bấy lâu vẫn ở ngoài vòng khói lửa với nền trung-lập!

Lúc khởi cuộc Âu-chiến, cách đây hai năm, có ai ngờ Ba-tư sẽ trở nên một địa-lợi cho việc tiến quân của hai bên địch thủ? Thế mà cái không ngờ ấy ngày nay đã thành sự thực.

Từ lâu Ba-tư là trường tranh đấu giữa Nga và Anh để tăng lực-lượng. Thế-kỷ trước, tuy Nga thắng lợi, nhưng từ sau hồi Âu-chiến trước, Anh lại kế chân Nga chiếm quyền lợi trên đất Ba-tư.

Cũng như năm 1907, gần đây Nga và Anh lại gặp nhau trên miền Ba-tư. Nhưng mỗi lần mục đích một khác. Năm 1907, hai cường quốc chia nhau những khu-vực quyền lợi. Còn năm 1941, Anh muốn đem quân qua Ba-tư tiến sang Caucasie, quanh hồ Urmian tới Tébris và đường hoả-xa nối Ba-tư với tỉnh Tiflis, qua miền Azerbeidjan và Arménie. Ngoài ra, Anh muốn vận tải chiến-cụ Hoa-kỳ cho Nga bằng đường xe lửa chạy qua Ba-tư từ vịnh Ba-tư đến bể Caspienne. Những dục vọng của Anh như thế lẽ tất nhiên là phạm vào nền trung lập của Ba-tư.

Về phần Đức, Đức quyết là Chính phủ Ba-tư không chịu thoái bộ trước sự áp-bức Anh Nga và nếu cần, Ba-tư sẽ sẵn sàng binh-lực để chống lại. Các chính giới Đức rất tin cậy vào thái độ Ba-tư, vì ưa Ba-tư rất ít thiện cảm với Anh, cho nên từ ngày tức-vị đã lần lượt tước nhiều quyền lợi của Anh trong xứ Ba-tư. (Như bãi nhà Ngân-hàng số phiếu và bỏ trưng-thầu các đường điện-tín).

Vì muốn thoát ly thế-lực 2 cường quốc Anh Nga, nên ít lâu nay, tại Ba-tư rồi lên phong trào bài ngoại. Phong trào bài ngoại này đã làm yếu thế lực Anh và giảm cuộc bành trướng của Nga trên đất Ba-tư.

Ngoài ra, Chính-phủ Ba-tư kết liên với các lân bang để tổ chức một hội-nghị liên bang có một tinh thần mạnh mẽ. Trước đây Ba-tư ký hợp ước tương trợ với Afganistan, Irak và Thổ là những nước lân cận, để giữ thăng bằng cán cân chính trị với các đại cường quốc Âu châu.

Sự kết liên ấy, có ảnh hưởng không hay cho Anh và Nga.

Nhưng trái lại, vận mệnh Ba-tư trở nên nguy ngập vì sự đoàn kết Anh Nga!

Thực vậy, trong khối tương trợ, Irak đã về tay Anh, Turkestan đã thuộc quyền Nga, mà Afganistan thì đương ở giữa hai lưỡi kìm Anh Nga. Duy chỉ còn Chính-phủ Angora là có thể giúp Ba-tư, theo như các điều khoản hiệp-ước tương trợ, vì Thổ hiện đứng trung lập, lại là một nước tự do và độc lập.

Vì thế, Thổ đương gián tiếp bị ảnh hưởng cuộc áp bức Anh Nga vào xứ Ba-tư. Thổ không thể lục trong tập hiệp ước đã ký với các nước, để sưu tầm lấy các phương pháp hành động, ngõ hầu xử trí một cách chu đáo được.

Thổ đương ở trong một tình-thế khó khăn: nào ký hiệp-ước tương trợ với Ba-tư, nào công-nhiên kết-liên với Anh nào thân thiện với Nga do những giây ràng buộc từ lâu đời, nào gần đây lại ký hợp-ước bất xâm-phạm với Đức... Bao nhiêu sự « mâu quai » ấy đã làm cho Chính-phủ Angora phải bối rối, khó « há miệng » mà giải quyết được hiện trạng ngang ngửa, éo le!

Ngay Đức cũng phải công-nhận Thổ « tiến thoái lưỡng nan »!

Hiện nay, trên đất Thổ, hai thế-lực Anh và Đức đương chiến-đấu quyết liệt. Được thì quả quyết thế nào cũng sẽ đánh tới miền Caucase và khuyên Thổ không nên khuyến-khích Ba-tư hợp tác với Anh-Nga về mặt quân-sự, vì Thổ không những không lợi gì mà lại còn mua thêm một mối ác-cảm với Đức sắp đại thắng trong cuộc đông tiến.

Vì hiện thời, Đức không thể giúp Ba-tư một cách hiệu-quả được, nên Đức phải hành động ở Thổ, để bách Thổ hành động với Ba-tư giúp mình.

Tại Bá-linh, người ta không giấu tin: hai Chính-phủ Thổ và Đức trực-tiếp với nhau để tranh luận về việc Ba-tư bị Anh-Nga áp-bức.

Trong khi ấy, Anh-Nga áp bức Ba-tư càng ngày càng kịch liệt! Tình-thế Ba-tư càng thêm khó khăn!

Anh mượn Ba-tư làm đường giao-thông nối miền Cận-đông; Nga và Ấn-độ Anh cũng dự định lập căn-cứ ở bờ vịnh Ba-tư để chở chiến cụ Mỹ cho Nga. Anh mở đường rút lui cho quân Nga trong miền Caucase, phòng Nga thất bại.

Anh đã công bố không khi nào để yên cho các tay sai của Chính-phủ Bá linh tổ chức những cuộc âm-mưu tại Ba tư.

Hiện thời, Ba-tư bị Anh-Nga uy-hiếp không thể trông cậy vào sự giúp đỡ của các nước lân cận. Ba tư chỉ còn hai vấn-đề giải-quyết; hoặc nhượng-bộ Anh, hoặc theo Đức.

Mục-đích của Đức trong cuộc chiến-tranh với Liên-bang Sô-viết là chiếm « kho lúa mì » Ukraine và miền dầu mỏ Caucase. Nếu Ba-tư lo xa một ngày kia quân Đức thắng trận sẽ kéo đến biên-thùy Ba-tư thì Ba-tư có thể phản kích với sức áp-bức của Anh.

Nhưng Chính-phủ Luân-đôn, đã nhiều kinh nghiệm về việc thất bại do sự trì hoãn liệu còn có thể chờ cho đến lúc bên địch « phỗng tay trên », rồi mới hành-động chăng?

Số phận Ba tư sẽ định trong một thời-gian rất ngắn.. (1) N. N.

(1) Khi báo đã lên máy, thì có tin Anh, Nga đã đánh Ba-Tư

TIN VĂN HẰNG TUẦN

Quốc-tế

Anh đã gửi tối-hậu-thư cho Ba-tư. Anh, Nga đã tiến quân đánh vào Ba-tư. Ba-tư cũng huy-động quân-đội. Quân Đức đã chiếm được tỉnh Tcherkassy. Kinh thành Leningrad đã bị nguy. Nga chỉ còn độ 50 sư-đoàn quân trừ-bị nữa. Quân Lỗ thắt chặt vòng vây quanh Odessa. Thái-lan đã tuyên bố đứng trung lập và cải-chính tin đồn Anh và Nhật định ký hiệp Thái

Nhiều căn-cứ không quân đương xây ở xứ Maine làm nơi khởi-hành cho các phi cơ gửi sang giúp Anh.

Juillet 1941 Hoa-kỳ sản-xuất được 1160 phi cơ. Juillet 1940, có 577 phi-cơ của Hoa-kỳ sản ra.

Tại Hoa-kỳ, chính-phủ tích-trữ lương-thực

Tàu Na-uy, treo cờ Anh, chở dầu, bị hai tầu ngầm đánh đắm vùng Canaries

Đô-đốc Darlan được cử giữ bộ quốc phòng Pháp.

Quốc-trưởng Pétain đã đọc một bài diễn-văn quan-trọng nói về việc cải tạo nước Pháp.

Nhân ngày kỷ niệm cuộc chiến-tranh ở Thượng-hải có xảy nhiều cuộc âm-mưu.

Tổng-thống Hoa-kỳ Roosevelt có cuộc hội-kiến bí-mật với thủ-tướng Anh, Churchill.

Ngày 14 Août 1941, từ tỉnh Los Angelès, một chiếc tầu Mỹ chở dầu khởi-hành sang Hải sâm-Uy giúp Nga.

Chính-phủ Anh cấm xuất-cảng các hóa-phẩm sang Nhật, Cao-ly và các xứ thuộc Nhật cai-trị.

Chính-phủ Mỹ dự-định lập một bến to tại hải-cảng Nữu-ước, để dùng tải quân đi nơi khác.

Từ nay đến cuối năm, có 1400 phi-cơ Úc sẽ dùng vào việc chiến-tranh.

Ông Paul Sabatier, ở viện hàn-lâm khoa-học Toulouse, được giải thưởng Nobel (năm 1912), mới chết, họ 87 tuổi. Vì ông có công trong sự nghiên-cứu hóa-học, nên được dân Toulouse kỷ-niệm.

Anh đã tàng-trữ nhiều lương-thực đủ nuôi dân và quân-lính, trong khi nếu Anh bị Đức đổ-bộ.

12 người Mỹ bị chết vì nạn máy bay tại Anh.

Nga và Ba-lan đã ký hiệp-ước binh-bị

Úc và Nhật đã tuyệt-giao. Chiếc tàu Nhật Kasima Maru đã dời bến Sydney với 100 người Nhật.

50 cộng-sản bị sử giảo nhiều người bị bắn sau cuộc âm-mưu phá chiếc ô-tô nhà binh của Đức. Dân tòng-phạm về việc này ngụ trong làng, làng đều bị triệt-hạ.

Hoa-kỳ tăng sản-xuất-lực dầu mỏ tại các xưởng lọc dầu, để giúp Anh và Nga.

Phi-cơ Đức phá cửa sông Staline. Một tàu Nga đậu tại đó phát hỏa và đắm.

5 tàu ngầm Nga bị đắm tại Hắc-hải.

Đức lại sắp ký thương-ước với Thổ.

Hội-nghị Anh-Mỹ-Nga sẽ họp tại Mạc-tư-khoa.

Tưởng-giới-Thạch sẽ sang Nga để dự hội-nghị ấy.

Nga ném bom xuống Bá-linh và Stettin cùng miền lân-cận tại Đức.

Tại Pháp, có sắc lệnh hạn đến 15 Septembre 1941, những người Do-thái không được giữ một nghề-nghiệp gì đã cấm họ làm.

Một viên kỹ-sư trẻ tuổi đương thí-nghiệm sáng-chế ra một chiếc xe hơi chạy bằng điện.

Nước Bulgarie sáng-chế dầu hột thuốc lá có thể ăn được. 2500.000 lít dầu mất 8 000 tấn hột thuốc lá.

Anh tuyển 100.000 lính phụ-nữ dùng vào hải, lục, không-quân.

Tại Úc, cũng thành-lập một sư-đoàn phụ-nữ để tự-vệ.

Nga-Anh đã ký hiệp-ước thương-mại.

Tại Mạc-tư-khoa, có một cái hầm Staline để tránh bom và hơi ngạt.

Ý lập các nơi kỹ-nghệ để chế các phi-cơ có tốc lực giúp Đức.

Người Đức, Kuebler đi nhanh 20 phút 3 ly được 5 cây số, chiếm giải quán-quân thế-giới.

Tại dinh Uông-tinh-Vệ, có cuộc rối-loạn : 4 người chết !

Đông-Dương

Chính-phủ Đông-dương cải-chính không hề có quân đong ở biên-giới Đông-dương để giúp quân Nhật đánh Tàu.

Có lẽ Tùng-Cương, nguyên ngại-giao tổng-trưởng Nhật, được cử làm ủy-viên Chính-phủ Nhật tại Đông-dương.

Sắc-lệnh 6 Juillet 1941, cấm in, lưu-hành các bài hát có tính-cách cộng-sản.

Số đặc biệt về đức Trần-Hưng-Đạo, các độc giả có những tài liệu gì về ngài xin gửi cho, bản-chí rất hoan nghênh và sẽ có báo gửi biếu.

Cách gửi thư

Tiếp theo trang 11

ngoài đường làm lắm điều chướng mắt, ngang tai : hoặc vào nhà trọ làm ầm ỹ, hoặc vào làng xóm bắt chức-dịch cung-ứng, hoặc hống-hách khi qua đò ... Cho nên, mỗi khi có lính trạm qua hạt nào, thì dân hạt ấy bị quấy-nhiễu rất khó chịu ! Các nhà cầm quyền tuy có biết nhưng có khi cũng làm ngơ đi.

Ngày nay việc thư-tín thật là tiện-tiếp hơn trước nhiều lắm, vì đường giao-thông tiện-lợi, cách thông tin mau chóng, xa đến đâu cũng gửi được điện tín thơ-từ giấy má, lại nhờ khoa học phát-minh, chẳng những rõ được tin-tức trong xứ mình, lại còn biết được cả tin các nước ngoài nữa.

TIÊN-ĐÀM

NGUYỄN-HOÀNG-ĐỨC (1748 — 1819)

II

NGUYỄN - HOÀNG - ĐỨC đi được đến Vọng-các thì Nguyễn-vương đã trở về Gia-định rồi. Vua Tiêm muốn lưu Hoàng-Đức ở lại Vọng-các, song ông quyết chí chết thì thôi chứ không chịu ở lại. Ông thuật hết các việc gian-nan vất-vả trong khi đi tìm chúa cho vua Tiêm nghe. Ông vừa nói vừa hầm hầm tỏ sắc mặt tức-giận và thổ ra một cục máu.

Thấy ông trung-nghĩa như thế, vua Tiêm cũng phải đem lòng kính nể, đặt tiệc tiễn hành, rồi cấp cho binh thuyền đưa ông về Gia-định.

Hoàng-Đức vào bái-yết vua Nguyễn. Ngài rất vui vẻ, cảm-động mà phán rằng : « Ngươi đã nhiều phen có công cứu tính-mệnh ta, nay ngươi lại tìm được về với ta thế này, thì cũng là Trời xui khiến, nên ta mới lại gặp ngươi... » Rồi phong cho Đức làm Khâm-sai chưởng-cơ quản trung-chi tướng-sĩ. Năm ấy Hoàng Đức đã 43 tuổi.

Năm Canh-tuất (1790), Hoàng-Đức được thăng quản Hữu-quân-dinh. Mùa thu năm ấy, Lê-văn-Quân bị vây ở Phan-lý, Hoàng-Đức cùng Nguyễn-văn-Trương và Võ-Tánh phụng mạng đem quân đi giải vây, đánh tan được quân địch.

Năm Nhâm-tý (1792), đại-binh tiến đánh Thi-nại, Hoàng-Đức cùng với quan Tan-ly, tên là Chiêu, ăn-thủ Ba-rịa, sau lại tiến đánh Phố-hai ; quân địch phải bỏ đồn chạy.

Năm Quý-sửu (1793), Đức phụng mạng đốc quân đi Quang-hóa vào rừng đốn gỗ về để đóng chiến-thuyền. Khi về, được thăng Khâm-sai chưởng Hữu-quân-dinh Bình-tây phó tướng-quân, rồi cùng Tôn-thất-Hội và Nguyễn-văn-Thành đem bộ binh ra đánh Phan-ri, tiến phá được Bình-thuận, thừa thắng kéo thẳng đến Qui-nhơn, hội với thủy-quân, giàn trận vây thành. Nguyễn-Nhạc phải cho ra Phú-xuân xin binh cứu-viện. Quang-Toản liền cho đại-binh vào cứu. Nguyễn-vương thấy viện-binh của Tây-sơn kéo đến, biết thế đối-địch vô ích, nên rút quân về Diên-khanh (tức là Khánh-hòa) rồi về Gia-định sau khi để Nguyễn-văn-Thành ở lại giữ Diên khánh và Nguyễn-hoàng-Đức giữ Bình-thuận.

Sau, Trần-quang-Diệu bên Tây-sơn đem đại binh đến vây thành Diên-khanh, lại cho quân đến chặn đường cứu-viện ở Bình-thuận.

Nguyễn-vương nghe tin báo liền sai Nguyễn-văn-Thành đem 3.000 quân giữ thành Bình-thuận. Thành thấy quân ít, không dám đi. Đức nói rằng : « Có 3 000 tinh-binh cũng đã có thể hoành hành được cả thiên-hạ. Một trấn Bình thuận nhỏ mọn kia làm gì mà giữ không nổi ? » Nguyễn-vương bèn phái Đức đi đánh và sai Thành theo giúp.

Khi đến Phan-lý, bị tướng của Tây-sơn là Lê-Trung chặn đường hểm không cho tiến lên, Đức phải lui về Phố-hài, rồi nhân lương thực không tiếp ứng được luôn, lại phải rút về Ba-rịa.

Nguyễn-vương được tin, nổi giận mà rằng : « Quan còn nguyên cả, nghe thấy giặc mạnh đã phải lui, sao mà nhát gan thế ! » Ngài bèn lấy lại cả quan, rồi sai ông theo Tôn-thất-Hội đi đánh Tây-sơn để chuộc tội.

Năm Bính-thìn (1796), Nguyễn-vương lại thăng cho Hoàng-Đức lên Khâm-sai chưởng Hữu-quân Bình-tây tướng-quân và để trấn đất Diên-khánh. Đến năm sau (Đinh-tị, 1797), đại-binh lại ra đánh Qui-nhơn, tiến đóng Cù-huân. Hoàng-Đức theo Nguyễn vương đi chinh, chiến tiến đến Quảng-nam, rồi với Nguyễn-văn-Thành cùng lưu lại giữ Phú-yên.

Năm Mậu-ngọ (1798) nước Tiêm-la lại bị quân Diến-điện sang sâm-lấn. Vua Tiêm sai sứ sang ta cầu-cứu. Bấy giờ Nguyễn-vương đang ở tại Gia-định, tưởng đến ơn cũ của Tiêm, bèn sai Hoàng-Đức và Nguyễn văn Trương đem thủy-quân sang cứu-viện. Khi quân ta mới đến đảo Côn-lôn, được tin quân Diến-điện đã lui, Nguyễn văn-Trương lại đem hết thủy-quân trở về Gia-định. Còn Hoàng-Đức thì đi luôn sang Tiêm, vì còn phải mang quốc-thư sang giao-hiếu.

Bấy giờ tình-thế quân địch đã suy-nhược. Tháng 3 năm Kỷ-mùi (1799), vua Nguyễn lại cử binh đi đánh Qui-nhơn. Tháng 4, thủy-quân nhà Nguyễn đã vào cửa Thi-nại, vua sai Hậu-quân Võ Tánh, Hữu-quân Nguyễn-Hoàng Đức đem binh lên bộ đóng ở Trúc khê. Ngay lúc bấy giờ, Khâm sai Tiền-quân chưởng-cơ Nguyễn văn-Thành đem bộ binh ra đánh Phủ yên, rồi tiến lên tiếp-ứng cho toán quân Võ-Tánh đánh quân địch ở Thi-dã và cầu Tân-an. Mấy trận này, quân Nguyễn toàn thắng.

Năm ấy (1799), Hoàng-Đức đã ngoài 50 tuổi.

Sau khi hạ thành Qui-nhơn, vua Nguyễn sai Hoàng-Đức và Võ-Tánh về giữ trật tự, sửa sang Trấn-định và Mỹ-tho.

Năm Canh-thân (1800), khi thành Qui-nhơn lại bị vây hãm, thì Hoàng-Đức đóng quân ở Cù-mông để đi giải vây.

Sang đến mùa thu năm Tân-dậu (1801), khi quân Nguyễn đã khắc phục được thành Phú-xuân, thì Hoàng-Đức phụng mạng quản lĩnh tất cả binh thuyền đóng giữ cửa Thi-nại.

Năm Nhâm-tuất, Gia-long nguyên niên (1802), đức Thế-Tổ phong cho

Hoàng-Đức tước quận-công, sai đi trấn-thủ thành Bình-định và giữ chức Tiền-quân thay Nguyễn-văn-Thành.

Năm Gia-long thứ 9 (1810), Hoàng-Đức làm tổng-trấn Bắc-thành, hiệu lịnh rất nghiêm; ai ai cũng phải uỷ-phục.

Năm Gia-long thứ 11 (1812), Hoàng Đức về Kinh, dự lễ ninh-lăng quốc mẫu là Hiếu-Khương hoàng-hậu. Đức Thế-Tổ lại thăng cho làm Khâm-sai chưởng Tiền-quân và lại sai ra làm Tổng-trấn ngoài Bắc.

Năm Gia-long thứ 14 (1815), Hoàng-Đức xin về nghỉ giả hạn tại Gia-định. Khi về đến Bình-định, ông bị bệnh trầm trọng. Đức Thế-Tổ bèn cho trung-sứ vào thăm và cho ở lại đến khi khỏi hẳn hay về. Sau khi bình phục, Hoàng-Đức lại tiến Kinh.

Năm Gia-long thứ 15 (1816), đức Thế-tổ lại cho Hoàng-Đức vào làm Tổng-trấn Gia-định thay Lê-văn-Duyệt. Ông sợ không đương nổi trọng trách, xin thêm người giúp thì ngài cho Trịnh-hoài-Đức vào làm Hiệp tổng-trấn.

Năm 70 tuổi, thấy mình già sức yếu, Hoàng-Đức bèn lập sẵn sinh-phần và từ-đường ở làng Khánh-hậu.

Ngày mồng 9 tháng 9 năm Kỷ-mão (1819), Đức mất, thọ 72 tuổi.

Quan chưởng Hữu-quân Nguyễn Văn-Nhân vào thay làm tổng trấn thành Gia-định.

Đức Cao-Hoàng được tin, thương tiếc vô cùng, bèn xuống chiếu chỉ cho tất cả các quan trong trào, ngoài trấn và các dinh đều phải mặc áo trắng đi đưa đám. Các quan tỉnh và nha-môn đều phải cư tang ba ngày.

Nhà vua truy tặng cho ông là: «*Dụng trung dực vận công thần, đặc tiến phụ quốc thượng tướng-quân, thượng trụ quốc, thái-phó quận-công, thụy Trung-Nghị*». Lại sai các quan ở trấn Định-tường phải về tận làng tế.

Năm sau, Minh-mạng nguyên niên (1820), ông được thờ tại miếu Trung hưng công thần.

Năm Minh-mạng thứ 5 (1824), ông được tong tự tại Thái-miếu và đến năm thứ 12 (1831), được truy tặng là *Kiến-xương quận-công*.

Ông sinh hạ được 4 người con gái là: Tang, Thanh, Nhiên và Thỏa.

Năm Gia long thứ 17 (1818), đức Cao-Hoàng gả công-chúa Ngọc-Châu cho Tang. Năm Minh-mạng thứ 5, Tang mất, táng tại Phú-xuân (Thừa-thiên).

Đến năm Minh-mạng thứ 10 (1829), đức Thánh-Tổ gả công-chúa Ngọc-Cơ là con gái thứ 13 đức Cao-Hoàng cho Thanh. Được 3 năm, Thành mất, cũng được táng tại làng Đồng-xuân (gần Huế). Hiện còn đền thờ Ngọc-Cơ và Thành ở Thừa-Thiên.

Nhiên làm đến chức Chu-quân phó vệ-úy. Thỏa làm Tiền-phong dinh phó vệ-úy.

Sau, Nhiên và Thỏa đều có tội, không được làm quan nữa.

Con của Thành tên là Kim, năm Tự-Đức thứ tư (1851), nối tước của ông, được phong là Kiến-xương-tử, coi việc thờ tự.

Hoàng Đức lại còn một người con nuôi là Nguyễn đình-Phổ, năm Giáp-dần (1824), được đức Minh-mạng cho làm Ninh-Thái tổng-đốc, tức là tổng-đốc Thái-nguyên và Bắc-ninh.

HẾT

NGUYỄN TRIỆU

Hộp thơ

Ô Thạch-hồ-Khách (Nam-kỳ)—. Đã tiếp đặng thư và bài của tiên-sinh Đa tạ.

Ô Tam-Gia (Hải-phòng).— Xin cám ơn tiên-sinh đã gửi cho bài Q. T. và N.H.C.C. Đã nhận được thư của tôi chưa ? — H. B.

Ô. Quách-Thanh Gò Công — Đã gửi đủ bộ từ 1 đến 9 rồi. Nếu đến nay ông Vẫn không tiếp được thì xin cho biết để nhà báo làm giấy hỏi sở bưu điện.

Một độc giả ở Sơn-la — Bản báo có tiếp được cái mandat số 189 (2 p. 80) để 14 8 mua ở Sơn-la, trong mandat không thấy đề tên ai, vậy vị nào đã gửi mandat ấy xin cho biết để tiện việc sổ sách.

Sách mới

«Chúng tôi vừa nhận được một cuốn sách rất hay, nhan đề là: «*Témoignages*», do mấy nhà thanh-niên tri-thức Việt-nam soạn. Các tác-giả đã đem hết tài-năng và lòng thành-thực của mình để dẫn giải cái nhiệm-vụ của phái thượng lưu tri-thức đối với nước Pháp.

«Bản Báo xin có lời cảm ơn.

«Sách bán ở hiệu Taupin Hanoi, «giá : 0 p. 20».

Chúng tôi lại nhận được:

Nguồn sinh lực (Quyển thứ II trong bộ «sức khỏe mới» của ông P. N. Khuê, do Hàn-Thuyên 71 phố Tien-Tsin Hanoi xuất-bản. Sách giấy 118 trang, giá mỗi cuốn 0 p. 45

Xin hãy nán chờ...

Vì mấy kỳ này nhiều bài, nên «*Mẹo tiếng ta*» và «*Việt-nam văn-học sử*» phải tạm gác. Xin các bạn đọc hãy nán chờ-đợi. Đa-tạ.

Một số đặc-san về đời Trần sẽ ra mắt các bạn vào khoảng tháng tám âm-lịch

Nhân ngày 20 tháng tám ta (10 Octobre 1941) là ngày kỷ-niệm đức Trần Hưng-Đạo ở đền Kiếp-bạc, TRI-TÂN sẽ ra một số đặc-san chuyên khảo về đời Trần: từ võ-công, văn-học đến danh-nhân, lương-tướng cùng là chế-độ nội-trị, trạng-thái kinh-tế luôn với thế-lực Phật-giáo ở đời Trần thế nào, nhất nhất trình bầy trước mắt các bạn làm cho một mẫu lịch-sử dĩ-vãng sẽ sống lại với chúng ta nay.

Các bạn yêu lịch-sử xin làm ơn góp tài liệu với chúng tôi để số đặc-san về đời Trần ấy có thể nhuộm hẳn mầu sắc một triều đại.

Từ kỳ sau, Tri-Tân sẽ tuyên bố dần các bài vở về số đặc-san ấy

T. T

Góp vui

MỘT NHÀ ĐẠO-SĨ

HÀN là một nhà lịch-thiệp, tính thích quảng giao. Thu là người ở cùng phố thường hay đến chè chén với Hàn. Một hôm, hai người đang hội họp thì một nhà đạo sĩ, tay rũng cái bát đồng, đi qua cửa. Người nhà ném cho đạo sĩ tiền và cơm, nhưng hắn không lấy và cứ đứng lại. Những đầy tớ tức mình trở vào, mắc thây hắn. Nhưng Hàn nghe thấy tiếng cãi-cọ, hỏi người nhà xem chuyện gì ; người nhà kể lại cho ông nghe Ngay lúc bấy giờ, đạo-sĩ đã vào đến nơi. Hàn mời đạo-sĩ ngồi. Đạo-sĩ lấy tay ra hiệu chào chủ và khách, rồi giải tọa. Hỏi ra mới biết đạo-sĩ ở một cái đền đã đổ nát, về xóm đông.

Hàn hỏi :

— Đạo sĩ lên trụ-trì trên ấy tự bao giờ ? Bấy nay tôi không biết, thành thử không lên thăm đạo-sĩ, xin người lượng thứ.

Đạo-sĩ giả nhời :

—Tôi ở nơi thôn-ổ, không giao thiệp với ai, nay nghe tiếng ngài là người hào-hiệp, nên tôi vẫn ước ao được ngài tiếp.

Hàn sai người nhà lấy chén mời đạo-sĩ uống rượu thì thấy đạo-sĩ uống giỏi nhất hạng.

Thu thấy đạo-sĩ ăn mặc rách-rưới, có ý khinh, vì Thu hơi kiêu-ngạo ; nhưng Hàn thì hết sức khoản-đãi đạo-sĩ. Đạo - sĩ uống một hồi hơn hai mươi chén rượu rồi xin đi.

Từ bấy giờ, tiệc nào cũng có đạo-sĩ. Mời ăn thì hắn ăn, mời uống thì hắn uống. Sau, chính Hàn thấy hắn ta sỗ-sàng như vậy cũng phiền lòng.

Một hôm, đương yến tiệc, muốn riễu đạo sĩ, Thu nói :

— Chúng tôi mời đạo-sĩ chè chén đã nhiều lần, đạo-sĩ cũng mời lại chúng tôi một lần chứ ?

Đạo-sĩ mỉm cười giả nhời :

— Tôi cũng như ông chỉ vặt mũi đủ đút miệng.

Thu ngượng, không biết giả nhời ra sao. Đạo-sĩ nói tiếp :

— Tuy-nhiên, tôi cũng vẫn thành tâm muốn mời hai ông đã lâu. Ta phải họp nhau một hôm chứ ! Tôi sẽ cố kiếm lấy vài chén thanh-thủy để hiến các ông.

Khi đứng ra về, đạo-sĩ hẹn đến trưa hôm sau thì hội-họp.

Hai ông kia thấy đạo-sĩ hứa thế, lấy làm hoài nghi ; nhưng, hôm sau, thấy đạo-sĩ chờ ở ngoài đường. Hai người vào trong một cái thành, tường mới xây, lâu-đài san-sát như mây, có ý ngạc-nhiên.

— Đã lâu chúng tôi không đến đây. Những đền đài này sửa-sang lại tự bao giờ ?

— Chưa bao lâu !

Khi vào trong, thấy nhà cửa lịch-sự mà những nhà giàu - có nhất chưa từng sánh kịp, hai người rất ngợi khen. Vừa ngồi thì mười sáu tên tiểu-đồng mặc áo thêu, đi giày đỏ, ra hầu rượu. Thức ăn toàn là trân cam mỹ vị, không thiếu một thứ gì. Rồi một tên tiểu-đồng khác mời các thứ quả quí, chưa ai trông thấy bao giờ bày vào những đĩa ngọc và đặt ở trên bàn những chén thủy-tinh lớn. Đạo-sĩ bảo : « Gọi các nương nương ra đây ! »

Tiểu đồng đi ra. Một lát sau, hai thiếu-nữ vào : một người thanh-tú và rông-rỗng cao như cây liễu, một người nhỏ-nhắn đương độ đào tơ.

Cả hai cô cùng yểu-điệu, sắc-sảo Đạo-sĩ bảo hai cô hát để mời rượu. Cô bé gõ dịp và hát ; cô lớn thổi sáo họa theo, tiếng sáo nghe du-dương trong-trẻo

Khi hai cô hát và thổi sáo xong, đạo-sĩ lấy một cái cốc và mấy lần ép hai cô uống rượu. Đoạn, đạo-sĩ hỏi hai cô bấy nay còn biết múa không. Tức thời những tên tiểu-đồng giải thảm xuống đất và các thiếu-nữ nhẩy múa, áo dài tha-thướt, bay phấp-phới trên mặt đất, hương thơm như mây tuôn, ngào ngạt chung quanh mình. Sau các cô đứng dựa vào cái bình-phong sơn then.

Hàn và Thu đã ngà-ngà say, nên thấy quả tim như nở to, hồn vía như bay bổng Còn đạo sĩ chẳng để ý đến khách, uống cạn cốc rượu, rồi đứng dậy bảo khách rằng :

— Xin các ngài cứ chén tự do một lát, tôi ra nghỉ rồi lại vào.

Tức thời đạo sĩ ra sai người nhà kê một cái giường khảm ở sát tường phía nam. Các thiếu-nữ cởi áo cánh thêu ra và lấy áo phe-nhẩy cho đạo sĩ ngủ. Rồi đạo sĩ bảo cô lớn nằm cạnh, truyền cho cô bé đứng ở cạnh giường như một thị-tỳ chực sẵn để thừa sai.

Hai ông khách trông thấy thế, không thể điềm-nhiên được. Thu kêu to lên rằng : « Nom đạo-sĩ quả chướng mắt quá!» Thu muốn cho đạo-sĩ một bài học để sau chừa.

Tức khắc đạo-sĩ đứng dậy và đi biệt. Trông thấy cô bé đứng ở cạnh giường, Thu đương say rượu, kéo vào giường ở phía bắc

Xem tiếp trang 20

TẠP TRỞ

Tranh giải quán-quân... quét nhà!

MẤY năm trước đây, báo Miroir des Sports (Thể-Thao Kính) có đăng cái tin sau này :

Ở bên Mỹ, người ta thường đặt ra những cuộc thi về công-việc nội trợ cho các bà nội-tướng bên Tân-bán-cầu.

Một lần kia, trong chương-trình thi có một cuộc thi quét nhà. Người ta sửa soạn sẵn những gian nhà con con rộng đều nhau, ở mặt đất đã đổ đầy ra những bụi và cát Mỗi bà dự thi được hội-đồng phát cho một cái chổi, và phải quét sạch một gian buồng. Một tiếng còi huýt, các bà thi nhau bắt tay vào quét ; hễ bà nào quét xong trước thì là được giải.

Liễu kết, một bà tên là W... quét xong trước hết, mà lại nhanh hơn các bà khác những mấy phút đồng hồ Bà được chiếm giải quán quân quét và còn thêm được Hội-đồng sát bạch khen-ngợi nữa.

Ông Chánh Hội-đồng nói :

— Bà quét nhanh lắm ; chắc là ở nhà bà quét tước nhà cửa sạch-sẽ lắm thì phải. Ông W .. thực là người đại có phước !

Bà W.., lúc ấy người đầy bụi bám, mặt mày mồ hôi nhễ-nhại, sẽ nhún vai và đáp rằng :

— Thưa quan Chánh Hội-đồng, ở nhà, tôi có phải cầm đến cái chổi bao giờ đâu ! Tôi đã có mua một cái máy hút bụi chạy bằng điện (aspirateur électrique), và đã có chồng tôi mó tay vào !

●

Việc làm ở chỗ công chúng cho mọi người thấy, và việc làm hằng ngày ở xó nhà không ai thấy, thường vẫn trái nhau.

CÁCH-CHI

Một nền giáo-dục

(Tiếp theo trang 8)

« *Những phương-tiện phụ* » tác-giả kể ra như sau này : đả-đảo văn mơ-mộng, văn khiêu-dâm, văn kiếm-hiệp và văn trào-phúng vô-ý-thức ; kiểm-duyệt rất nghiêm-ngặt những phim chiếu bóng và những bản tuồng kịch bắt chước của phim chiếu bóng ; gây ra trong gia đình một bầu không-khí hòa vui và êm-ấm ; lập ra hội phụ-huynh học-sinh và hội nhi-đồng ; đánh thức các nhà giáo-dục, v..v... Tựu trung cũng đã có một vài phương-tiện được đem ra thực hành rồi, như cấm xuất-bản những sách khiêu-dâm, khuyến-khích hội lo cho các trẻ đi nghỉ mát ; hội trao-đổi học-sinh trong tam kỳ, v...v...

Trong chương VII, tác giả chỉ bàn qua về « phụ-nữ giáo-dục » vì đó là « một vấn-đề phiền-phức phải giải-quyết riêng trong một cuốn sách khác » (trang 128). Chúng tôi rất mong cuốn sách ích lợi ấy chóng ra đời.

Trước khi chấm hết, tác-giả có cái nguyện-vọng rằng « những lời thành-thiết » của ông « được lọt vào tai những đồng-bào biết nghe, biết nghĩ, và biết cảm, để ai nấy, trong phạm-vi của mình, sẽ đồng lao cộng tác vào việc « làm lại » cái thế-hệ thiếu-niên hiện-tại và rèn-đúc trước lấy lớp người lớn mai sau cho Việt-nam tổ-quốc. »

Chúng tôi tin rằng « Một nền giáo-dục Việt-nam mới » của ông Thái-Phỉ sẽ có một ảnh-hưởng rất tốt trong các giới. Các bậc phụ huynh nên đọc và ngẫm-nghĩ những lời thành-thiết ấy. Chúng tôi lại mong rằng các bạn độc-giả sẽ vui lòng cho biết ý-kiến, hòng gây nên một mối dư-luận chính-đáng, không phải là không có ích cho tương-lai đất nước vậy. Như lời cụ Nguyễn-Bá-Học đã nói năm xưa : « Cái trách-nhiệm ngày nay ở bọn thiếu-niên, thiếu-niên hay thì nước hay, thiếu niên hèn thì nước hèn, thiếu niên già thì nước già, thiếu-niên trẻ thì nước trẻ, thiếu-niên thịnh thì nước thịnh, thiếu niên suy thì nước suy,... thiếu-niên vinh thì nước vinh, thiếu-niên nhục thì nước nhục. Như mặt trời mới mọc, như vầng trăng mới tròn, như cánh hồng thuận gió, như hoa hồng đương non, ấy cái vinh-hạnh tiền-đồ của bạn thiếu-niên đấy »

Hội-thống Vũ-văn-Lợi

Một nhà đạo-sĩ

Tiếp theo trang 19

và đường-hoàng ôm vào trong lòng, lớn tiếng bảo bạn rằng :

— Sao anh còn e-lệ mãi thế ?

Hàn lại gần cái giường cô kia nằm, cô ta đương ngủ say, hắn lay không thấy động đậy ; hắn quàng tay ôm chặt lấy cô ta.

Giời sáng, giấc mộng say-sưa tan. Hắn nhận ra rằng mình ôm chặt một vật gì lạnh giá : một hòn gạch dài ! Hòn gạch ấy trước kia nằm ở ria bực thềm. Hắn thấy Thu còn đương ngủ, đầu gối lên cái ghế đá, nằm yên ở giữa cái quán đã đổ nát.

Hắn đá Thu một cái để đánh thức dậy. Rồi hai người ngơ-ngác sợ hãi, nhìn chung quanh mình, chỉ thấy những nếp nhà bỏ hoang, những phòng đổ nát.

Kính-thần **Vũ văn Lễ**
dịch thuật

Thành Đồ-bàn

Tiếp theo trang 4

dần dà ngoài cửa bể Thi-nại, không nỡ bỏ đi. Hai ông kiếm người đề dâng mật-biểu cho vua, trong biểu nói rõ tình thế không-hư của kinh-đô bên địch và bày kế tấn-thủ. Lúc ấy có vợ quan Tri bộ Phan-văn-Vấn là Nguyên-thị xin đi. Ai ngờ bị Tây-sơn bắt đặng, nàng ấy nhảy xuống sông tự tử. Hai ông lại mật sai Cai-đội lén đem đi, may thông đặng, vua kéo đại binh ra Phú-xuân.

Lúc ấy, trong thành hết lương. Võ-công mới nói với Ngô-công rằng : « Sự thế ngày nay đã gấp rồi, khó duy-trì được nữa. Tôi là chức trách khổn-soái, phải chết theo với thành. Còn ông là văn-quan, nên làm thế nào mà bảo toàn tính-mệnh sinh linh, để đợi Cao-hoàng ta trong khi gặp-gỡ ». Ngô-công trả lời rằng : « Thành còn, ta còn với nhau ; thành mất, ta mất với nhau ; van võ cũng thần tự cả. Tôi lòng nào mà sống sót lại một mình ! » Nói dứt lời, bèn trở về tư-thất, uống thuốc độc chết. Võ-công nghe tin Ngô-công chết rồi, bèn trở ra lầu Bát-giác, sửa soạn áo mão trình-tề, day mặt lạy về Bắc-khuyết, rồi cũng tự đốt mà chết. Lúc ấy vào ngày 20 tháng 5 năm Tân-dậu. (Xin coi lại Tri-Tân số 10 truyện Ngô-tòng-Chu).

Khi vua Cao-hoàng đã lấy đặng kinh-đô Phú-xuân rồi, mới đem binh trở về cứu-viện, thì hai ông đã tuẫn-tiết hết cả rồi ! Vua mới lên ở ra nền cũ lầu Bát-giác, tự tóm đá lại làm mộ ông Võ-công, một bên lại phụ thêm một mộ nữa, là mộ ông Tùng-bộc đã liều mình mà chết theo với ông Võ. Phía trước thì cất đền Hiển-trung, để thờ hai ông và trận vong tướng sĩ, cho rõ danh bất hủ về sau.

Từ năm Nhâm-tuất về sau, dinh trấn đều còn y nơi thành ấy cả. Đến năm Gia-long thứ 13, mới phá thành ấy đi mà dời vô địa phận làng Kim-châu và làng An-ngãi, tức là tỉnh thành Bình-định bây giờ.

Thành này ngoài xây đá ong, trong đắp đất, cao một trượng một thước, chu-vi 612 trượng, một thước, tám tấc, trên mặt day hai trượng, rộng 7 trượng 5 thước, sâu 5 thước. Đông, tây, nam 3 mặt đều có cửa. Lòng cửa cao một trượng, tám tấc, rộng 8 thước, 4 tấc. Ngoài cửa xây cầu đá ngang qua hồ, dài 7 trượng 5 thước, rộng một trượng, 5 thước. 4 tấc. Ngoài cầu, có cửa Yên-môn, che khuất Yên-luy, cũng ngoài xây đá ong trong đắp đất, cao một trượng, mông rộng 2 trượng. Lại có làm lên cửa khúc-môn ở ngoài, chung quanh cũng đào hào, tiếp với hào bên trong.

Trong thành bốn mặt, chính giữa đều có đắp thổ-sơn, đặt phao-đài. Trong phao-đài, phía nam thì có kỳ-đài, trong kỳ đài thì có Hành-cung. Sau Hành-cung, có dinh quan Đốc-bộ ở giữa, dinh Phiên, dinh Nét ở hai bên.

Cách-thức cung điện y như kiểu Tây-sơn, nhưng về phần tốt đẹp và hung-dũng thì hơn tất cả mấy tỉnh khác.

Sau dinh Đốc-bộ thì có kho Định-thành. Sau kho thì nhà ngục thất. Còn trong cửa nam thì có tàu tượng để nuôi voi. Trong cửa đông, cửa tây thì có nhà quân-xá để lính ở. Trước quân xá thì có dinh quan Lãnh-binh.

Tất cả trong thành, ngõ đường tứ phía, ngang dọc thông nhau, chế-độ vào lúc thái-bình, rõ là tốt đẹp. Lại còn phía ngoài thành, có đắp thêm một thành đất nữa, gọi là Dương-mã thành, thông trường đến 714 trượng, cao 3 thước, 5 tấc, dưới chân rộng một trượng.

Cách thành phía tây bắc một dặm có đàn Xã-tắc để tế Trời, đông tây hai bên có đàn Sơn-xuyên để tế thần Núi Sông. Lại dưới phía đông là nha Học-chánh Còn cách phía nam một dặm thì có Trường thi. Cách thực sắp đặt lầu-các trong ngoài thật là một nơi cự-trấn ở vào cõi nam-thùy.

Tự trăm năm đổ lại, vượng-khí chung kết vào ấy tất cả. Riêng thành cũ Đồ-bàn ngày càng hiu quạnh. Đến nay, leo lên gò cao, mà ngó chung quanh, nghĩ việc đã qua rồi, càng thêm chạnh tưởng : Nào là núi Kim sơn đỡ phía tây, tháp Cánh-tiên che phía đông, Tam-tháp triều phía nam, Thập-tháp hộ phía bắc, cùng vơi ao Tràng, giếng Tiên hồ Linh, đầm Ngạt, non nước bốn bề đều y nguyên cả. Còn người ngày trước chiếm cứ lấy chỗ ấy để xưng hùng nay nào thấy đâu ? Chỉ thấy rường cột đền Hiển-trung, giữ thành choi-lọi, Tòng-phu bóng rợp, trở đậu hơi thơm, khiến cho người chiêm-ngưỡng ai chẳng đem lòng kính mến.

BÙI VĂN LĂNG

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MẦU
RẤT HỢP THỜI TRANG

Mua buôn, xin hỏi hãng dệt :

PHÚC - LAI

87 - 89, ROUTE DE HUÉ HANOI -- Tél. N°: 974

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 11

MỌI người đều quay dồn cả về nhìn Văn-Khuê và Bạch-y-Nương. Người ta đều tấm tắc thầm khen.

Được thể, Kế-quận - Công Phan Ngạn cũng lên tiếng nói vừa để yên lòng bạn, vừa để phụ - họa với Trịnh-Tùng.

Khải (1) Chúa-Thượng, quả thật Mỹ-quận-Công là người sung-sướng nhất đời. Tài và đẹp như Mỹ-quận phu-nhân, khắp cả thiên hạ này thật không có lấy thêm một người nữa. Như vậy, tôi tưởng, ai được gần phu-nhân cũng phải nhận là sung-sướng nhất. Thế mà Mỹ-quận-Công lại nhường cái sung - sướng cho kẻ nông phu!

Cử-tọa cười ồ, làm cho Bạch-y nương hơi lúng - túng, ngượng-nghịu ..

●

Phan - Ngạn vốn chơi thân với Văn-Khuê, nói vậy cốt để yên lòng bạn nơi đông người và cũng để tỏ nỗi lòng mình nữa. Vì Phan-Ngạn cũng mê-mệt Bạch-y nương. Ngạn tìm hết kế để chơi thân với Văn-Khuê : Hằng ngày thường đi lại : hoặc bàn-bạc về thế sự, binh-thư, hoặc nói chuyện phiếm... Ngạn mong ước một ngày kia, chiếm được trái tim của Bạch-y nương. Ngạn tự-tin tài giỏi không kém gì Văn-Khuê, nhưng lại trẻ hơn, đẹp hơn, và nhiều công - trạng cho Đương-triều hơn nữa.

Là con đại-tướng Phan-công-Tích, người ở làng Sái-xá, huyện Đông-thành, Ngạn đã quen tập võ nghệ ngay từ nhỏ. Trước kia Phan-công-Tích là bậc danh tướng của Trịnh-Kiểm, đã đánh được nhiều trận, lập nhiều công. Trịnh-Kiểm mất, Trịnh-Tùng phong Tích làm đại-tướng, đã đánh phá quân Mạc ở Lôi-dương Sau Công-Tích bị Mạc-Kính-Điển bắt được ở Nghệ-an, Trịnh-Tùng liền giao quân-sĩ bộ ấy cho Phan-Ngạn. Ngạn lên cầm quân, cố sức báo thù Mạc, nên lập được rất nhiều chiến công, danh tiếng rất lan rộng. Đương thời ai cũng khen là một tay tướng tài trẻ nhất.

Năm Bính-thân (1595), Ngạn làm Tổng-trấn Hải-dương, đánh bắt được Trang Vương Mạc-kính-Chương ở Thanh-hà, được đặc-phong Kế quận công.

Từ khi gặp vợ chồng Văn Khuê ở trận đánh Mạc-kính-Chỉ tại Đông-triều, Ngạn mang nặng bên lòng nỗi mơ-tưởng Bạch-y-nương Chàng tìm đủ dịp để gặp vợ chồng nàng Chàng đã nhiều lần liếc mắt, mỉm cười với nàng, ra hiệu để thử nàng, nhưng lần nào, nàng cũng vẫn thản-nhiên như không. Vợ chồng nàng không nghi-ngờ chi cả, vẫn tiếp đãi chàng với một vẻ bình thường Cho hay khi người ta đã rất mực yêu nhau, thì không còn ngờ gì tình ý ở ngoài nữa.

Phan-Ngạn, có lẽ cũng hiểu thế, không dám quá mạnh bạo tỏ tình đành đợi dịp khác lập mưu vậy.

●

Cuối năm ấy (Kỷ hợi, 1599), vua Lê Thế-Tôn băng. Trịnh-Tùng lập con thứ vua Thế-Tôn là Duy-Tân mới mười hai tuổi lên làm vua, tức là vua Lê Kính-Tôn, ban chiếu bắt đầu sang năm Canh-tý là niên-hiệu Thận-đức.

Năm Canh-tý (1600), tháng giêng, vua Kính-Tôn làm lễ Nam-giao. Lần này là lần đầu tiên, vua Lê làm lễ Giao ở Thăng-long, trên khu đàn lập ra từ đời vua Lê Thánh-Tôn.

Lễ Nam-giao là một cuộc lễ rất trọng-đại, cầu khẩn Giời, Đất, các ngôi Sao và các thần Núi, Sông, nên cần phải có một cái đàn riêng. Vua Lê Thánh-Tôn lập đàn ấy ở phía nam kinh-thành tức là vào khoảng phố Khâm-thiên bây giờ. Khu đàn rất rộng, chung quanh giồng cây bao kín. Đằng trước có ba cửa. Ngày tế, vua đi vào cửa giữa, các quan văn vào cửa tả, các quan võ vào cửa hữu. Ở giữa đắp một cái đàn giài mười lăm thước, cao năm tấc, để hợp tế Giời, Đất Bên tả, một cái đàn giài mười sáu thước, cao ba tấc, để tế các vì Sao ; bên hữu cũng một cái đàn như vậy để tế các thần Sông, Núi. Theo lệ, cứ đến sang canh ngày đã định, vua với các quan đã chực sẵn ở trai-đường, tiến vào đàn cử hành đại-lễ. Vua mặc triều phục đứng tế ở đàn giữa. Hai viên quan đầu triều tế ở hai đàn bên. Nhưng lần này, Trịnh-Tùng muốn tỏ cho các quan biết, trước mặt quỷ thần mình cũng ngang vua, nên khi tế, cũng mặc đại triều phục, đứng lùi sau vua có một thước. Cả triều không ai dám nói sao.

●

Tan lễ, ai về nhà ấy. Phan-Ngạn vội lại ngay đằng Bùi-văn-Khuê Đuổi hết cách người hầu-hạ ra ngoài rồi, Phan-Ngạn hỏi Văn Khuê :

— Mỹ - quận có nhận thấy gì không ? Cái hành-động của Trịnh-Tùng đã tỏ rằng hắn không nhưng chiếm cả quyền mà thôi, lại còn muốn cướp hẳn ngôi vua Lê, nhưng cướp dần-dần, chứ không nông-nổi như Hồ-quý-Ly và Mạc-đăng-Dung ! Việc tế Giao chỉ có mỗi mình Hoàng-Thượng được đứng chủ-tế, thế mà hắn đứng gần ngang bên Ngài, thế là nghĩa gì ?

(1) Khải là tiếng để thưa-thốt với chúa cung như tâu đối với vua, bẩm đối với đường quan v. v.

Vậy tôi thử hỏi một câu này: Chúng ta làm tôi vua Lê hay làm tôi Trịnh Tùng?

Văn-Khuê thong-thả đáp:

— Làm tôi vua Lê chứ!

Phan-Ngạn mạnh-bạo tiếp:

— Ừ! Trịnh Tùng cũng như chúng ta: Công-trạng đánh dẹp cũng như nhau cả. May-mắn hơn, hay tài-giỏi hơn thì chức-tước cao hơn thôi. Còn giang sơn là giang sơn của nhà Lê. Sở dĩ khôi phục lại được đất nước này là vì lòng dân còn nhớ mến nhà Lê chứ! Nay thiên-hạ đã bình mà Trịnh-Tùng lại có ý khác thế, chúng ta phải nghĩ thế nào nhỉ?

Câu hỏi đột ngột quá khiến Văn-Khuê phải ngẩn người nghĩ ngợi. Phan-Ngạn đắc ý, nói tiếp:

— Cứ như ý tôi, chúng ta phải tôn Lê. Nhưng vua Kính-Tôn còn bé. Trong Triều-đình, ngoài chúng ta và Nguyễn-Hoàng cùng Ngô-đình-Nga ra, không có ai ra trò gì cả! Chúng ta không cùng mưu với họ được. Điều hay hơn hết là lũ chúng ta cùng thu quân lại chiếm lấy kinh thành, giết Trịnh-Tùng đi, canh cải triều-chính lại. Bằng không được thế, ta cũng giữ lấy một nơi hiểm yếu, tìm một kẻ giòng giỗi nhà Lê làm minh chủ, truyền hịch bốn phương: kể rõ tội trạng của Trịnh-Tùng. Tôi chắc công việc tất mau thành, vì xem ngay tại Triều bây giờ cũng rất ít người ưa Trịnh-Tùng.

Văn-Khuê thong thả nói:

— Việc ấy kể cũng nên làm. Nhưng tôi thiết tưởng để vua Kính-tôn lớn lên đã. Ta lấy danh nghĩa giúp thằng vua có hay hơn không? Việc làm quang minh chính-đại mới được nhiều người phụ họa. Vả bây giờ vừa mới yên xong, trong nước hãy còn nơm ớp sợ chinh chiến, mình cử sự ngay e có điều bất tiện.

Phan-Ngạn cười nói:

— Ông này nghĩ đến lần thần! Ông không biết cái cơ tâm của Trịnh-Tùng: Đợi ít lâu nữa thì hai chúng ta chỉ còn xương! Trịnh-Tùng là một kẻ ghen hiền, ghét tài, lại có tà tâm, nên hắn chủ ý triệt trừ những người công cao mà không xu nịnh hắn, phụ họa với hắn. Ngay như Nguyễn-Hoàng là một người rất có nhiều công và lại là con Triết-tĩnh-Công (1), thế mà hắn cũng cố ý ghim. Nguyễn-Hoàng về Triều tám năm nay rồi, vậy mà hắn không cho về trọng nhậm trấn cũ Nguyễn-Hoàng làm trấn thủ Thuận-hóa đấy chứ. Ấy cái lối Trịnh Tùng vẫn vậy. Giết đi thì sợ, mà người ta về thì hắn lại không muốn cho về. Nguyễn-Hoàng là cậu hắn còn thế, lọ là chúng ta! Nhất là bác, hắn lại càng để ý lắm. Bác có nhớ cái câu hắn bảo bác ở bữa tiệc năm ngoái không? Hắn khen thế là có ý khác đấy. Từ bấy đến nay hắn vẫn thăm hỏi phu-nhân luôn. Tôi chắc bác cũng thừa biết.

(1) Nguyễn-Kim được phong Huân phụ Triết tĩnh-công.

CHU THIÊN

(còn nữa)

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bênh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đổ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giây thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.

Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Quân tử lúc cùng thêm thẹn mặt,
Anh hùng khi túng cũng khoanh tay.

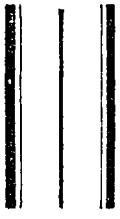

Các bạn chắc đã thừa biết ý nghĩa 2 câu thơ trên này là thế nào rồi! Nhưng lúc này liệu có dễ kiếm tiền chăng?

Có dễ chăng?

Chỉ bỏ 1p. ra mua 1 vé

SỐ ĐÔNG PHÁP

May ra trúng hàng vạn chưa biết chừng!

CÁC BẠN THỬ MUA XEM!

Imp. spéc'ale du Tri-Tân

Administrateur-gérant: Dương-Tự-Quán